



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
CÂU 1: CHO BIẾT NHỮNG THAY ĐỔI VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY? TÊN GỌI ĐỒNG NAI CÓ NGUỒN GỐC TỪ Đâu?	4
1.1. DẪN NHẬP	4
1.2. ĐÔI NÉT VỀ VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRƯỚC NĂM 1976	5
1.3. TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1976 ĐẾN NĂM 1995	7
1.4. GIAI ĐOẠN TỪ 1995 ĐẾN NAY (12/2018)	11
1.5. ĐÔI NÉT VỀ TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY	14
1.6. NGUỒN GỐC CỦA TÊN GỌI ĐỒNG NAI	16
CÂU 2: TRÌNH BÀY NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)? TRÌNH BÀY NHỮNG CẢM NHẬN CỦA ANH (CHỊ) VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI; ANH (CHỊ) SẼ LÀM GÌ ĐỂ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG ẤY?	21
2.1. DẪN NHẬP	21
2.2. NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954) .24	
2.2.1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu	24
2.2.2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2-1-1946)	28
2.2.3. Trận La Ngà (1-3-1948)	32



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

2.2.4. Biên Hòa nơi sản sinh cách đánh đặc công	37
2.2.5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất.....	42
2.3.1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp	47
2.3.2. Trận đầu diệt Mỹ	51
2.3.3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa	57
2.3.4. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ ngụy ở Biên Hòa.....	61
2.3.5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968	67
2.3.6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy	70
2.3.7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai	75
2.3. NHỮNG CẢM NHẬN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI.....	80
2.4. NHỮNG Ý KIẾN, VIỆC LÀM CỦA TÁC GIẢ NHẪM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA CHA ÔNG.....	87
KẾT LUẬN	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	92



LỜI NÓI ĐẦU

Từ buổi sơ khai khi Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong, khai phá đất Biên Hòa - Đồng Nai đến nay đã hơn 320 năm. Trong 320 năm ấy, con người xứ Đồng Nai đã ghi dấu ấn của mình vào lịch sử phát triển của đất nước, của dân tộc Việt Nam. Người nông dân chăm lo cấy cày cho nhiều vụ mùa tốt tươi, người thương nhân buôn gánh bán bưng làm nên một Nông Nại Đại Phố sầm uất,... để rồi đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, chúng chiếm Nam kỳ lục tỉnh, thi hành nhiều chính sách bạo tàn với nhân dân thì con người Đồng Nai lại đứng lên chiến đấu bảo vệ quê hương xứ sở. Dù cầm gậy tre, giáo mác, hay dùng ngòi bút thì con người nơi đây vẫn kiên cường chiến đấu và hòa vào sự sôi sục của cả nước mà đứng lên đánh đuổi thực dân, đế quốc, giành lại tự do, hòa bình. Thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước viết thêm vào trang sử vẻ vang của truyền thống chống giặc ngoại xâm của đất Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

Là người con được sinh ra và lớn lên tại vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, từ nhỏ, tác giả đã được tìm hiểu về truyền thống của cha ông qua các bài hát, câu chuyện được cha mẹ, thầy cô dạy. Nay, khi tham gia hội thi này, tác giả lại có cơ hội tìm hiểu thêm truyền thống Cách mạng của quân dân Biên Hòa, về quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, bài dự thi còn là quá trình tìm hiểu của tác giả về một số danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử, những anh hùng lực lượng vũ trang, những bà mẹ Việt Nam anh hùng... Tất cả, từ đất, người, xóm làng, tên núi, tên sông... đã tổng hòa lại để làm nên một “hào khí Đồng Nai” mà con cháu muôn đời vẫn tự hào.

Qua Hội thi, tác giả đã có nhiều kiến thức hơn về vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, về lịch sử mở mang đất, dựng xây xứ sở, phát triển tinh hoa nơi vùng đất này. Từ những tìm hiểu ấy, tác giả cảm thấy yêu hơn vùng đất, quý hơn những con người nơi quê hương của mình. Đây sẽ là động lực để tác giả cố gắng hơn trong tương lai để xứng đáng là người con của đất Biên Hòa – Đồng Nai – nơi đã có lịch sử hình thành và phát triển 320 năm.



Xin trân trọng cảm ơn.

CÂU 1: CHO BIẾT NHỮNG THAY ĐỔI VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY? TÊN GỌI ĐỒNG NAI CÓ NGUỒN GỐC TỪ Đâu?

1.1. Dẫn nhập

Vươn mình lên Biên Hòa 320 tuổi
Hơn 320 năm vùng đất anh hùng
Không thể nghĩ đó chỉ là đất ở
Mà là hồn thiêng, nguồn cội, non sông

Biên Hòa – Đồng Nai tính đến năm 2018 là tròn 320 tuổi. Hơn 300 năm hình thành và phát triển, vùng đất này từ nơi hoang vu, đầy nguy hiểm đã trở thành một đô thị năng động và hiện đại. 320 năm nhìn lại - một chặng đường vô cùng ngắn ngủi đối với lịch sử phát triển của cả nhân loại nhưng lại là một chặng đường dài đối với sự phát triển của phía Nam nước Việt.

Từ thuở Chúa Nguyễn sai Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý phương Nam năm 1698 đến nay, vùng đất này đã có rất nhiều thay đổi từ những vật thể như nhà ở, đường xá... đến những phi vật thể như ẩm thực, phong tục truyền thống. Trong đó, chúng ta không thể không nhắc đến sự thay đổi về địa giới hành chính của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trong suốt một hành trình dài 320 năm. Sự thay đổi này có rất nhiều nguyên do, có thể là vì dễ thuận tiện trong việc nhà nước phong kiến quản lí, vì những bản hiệp ước mà triều đình Nguyễn kí với các nước phương Tây hay phân chia lại ranh giới địa lí để phù hợp với sự phát triển kinh tế của các vùng trong thời đại mới.

Trong câu hỏi thứ nhất này, tôi xin trình bày sự thay đổi đơn vị hành chính của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ năm 1976 (khi hình thành tỉnh Đồng Nai) đến nay (2018) theo các mốc thời gian như sau:

- Đôi nét về vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trước năm 1976
- Từ năm 1976 đến năm 1995 và Từ năm 1995 đến năm 2018



- Đôi nét về vùng đất Đồng Nai hiện nay

Sau đó, tác giả xin được trình bày về nguồn gốc của tên gọi Đồng Nai.

1.2. Đôi nét về vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trước năm 1976

Mùa xuân năm Mậu Dần 1698, Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng đế (Chúa Nguyễn Phúc Chu) sai Thống suất Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược phương Nam, lập ra phủ Gia Định gồm 2 huyện: Phước Long và Tân Bình.



Từ
mùa xuân
Mậu Dần,
vùng đất
phương Nam
bắt đầu được
khai hoang,
phát triển.
Từng khúc
sông, cánh
đồng, từng quả
đồi, ngọn

Ảnh: Hình ảnh tái hiện Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh dẫn đầu đoàn quân kinh lược phương Nam

(Nguồn: Video “Hoạt cảnh mùa – Người đi mở cõi”

Đài PT-TH Đồng Nai thực hiện)

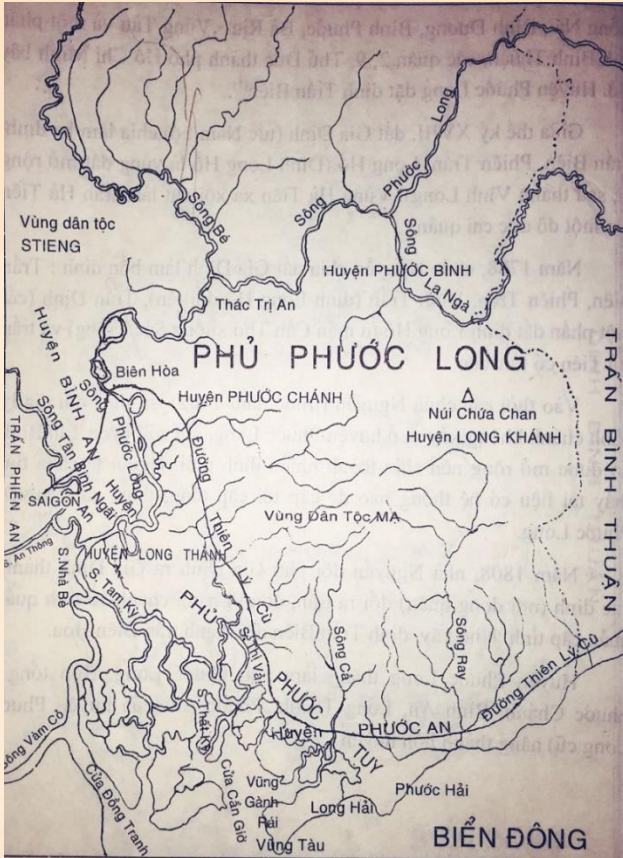
núi,... tất cả đều được nhân dân khai khẩn, thuần hóa,... Vùng đất phương Nam rộng lớn dần có nhiều ngôi nhà mọc lên, bà con chòm xóm yêu thương, giúp đỡ nhau cái ăn, cái mặc. Chẳng mấy chốc mà vùng đất phương Nam phát triển vượt trội trên nhiều lĩnh vực: kinh tế - văn hóa – chính trị - xã hội.

Có thể điểm qua một vài mốc thời gian nổi bật thể hiện sự chuyển mình phát triển của vùng đất này:



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Từ năm 1845 đến 1945, vùng đất này bị rơi vào vòng đô hộ cùng thực dân. Năm 1863, Công Báo Pháp có ghi: Tỉnh Biên Hòa gồm 2 phủ, 4 huyện như cũ. Trong đó, Phủ Phước Long có 2 huyện: Phước Chánh (6 tổng, 100 thôn, xã) và Bình An (9 tổng, 87 thôn, xã), Phủ Phước Tuy có 2 huyện: Phước An (4 tổng, 36 thôn, xã) và huyện Long Thành (4 tổng, 58 thôn, xã).



Đến cuối giai đoạn từ 1845 đến 1945, tổ chức hành chính của tỉnh đã trở nên quy cũ và chặt chẽ, nhà cầm quyền Pháp đã cho sáp nhập một số làng với nhau thành xã có quy mô lớn để giảm bớt số ban hội tề vào cuối thập niên 20. Thí dụ: ở vùng chợ Đồn, ba làng Nhất Hòa, Nhị Hòa, Tam Hòa hợp thành xã Hiệp Hòa... Vì vậy, số xã của Biên Hòa năm 1939 chỉ còn 119, bớt 1 tổng Bình Tuy cắt về tỉnh Đồng Nai Thượng. Các quận được thành lập ở khắp tỉnh. Như vậy, hệ thống hành chính từ cuối thập niên 20

Ảnh: Lược đồ địa giới hành chính năm 1808 tại phủ Phước Long

(Nguồn ảnh: Sách “Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển”)

trở đi là: tỉnh, quận, tổng và xã.

Giai đoạn từ năm 1945 đến 1976, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai được

định hình, ngăn cách và định danh thông qua hai chính quyền song song cùng tồn tại (Thực dân Pháp, chính quyền Sài Gòn và Chính quyền Kháng chiến, chính quyền Cách mạng) nhưng nhìn chung sau nhiều lần phân tách và sáp nhập, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai dần được định hình, có chủ quyền, ranh giới riêng, vị trí rõ ràng trên bản đồ.



Qua đây, có thể khẳng định chắc chắn rằng: Với thời gian hình thành và phát triển từ năm 1698, đến năm 1976, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai đã được định hình, là vùng đất có chủ quyền, văn hóa, lịch sử phát triển lâu đời; ngoài ra, đây còn là một vùng đất – vùng văn hóa nằm trong lãnh thổ của nước Việt Nam.

1.3. Tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến năm 1995

Tháng 1/1976, ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú hợp thành tỉnh Đồng Nai.

Theo một tài liệu khác, tháng 2/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra Nghị định (theo báo *Nhân dân*, ngày 26-2-1976) về việc “giải thể khu hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam”. Theo Nghị định, toàn miền Nam được tổ chức thành 21 tỉnh.

Trong đó, tỉnh Đồng Nai (gồm tỉnh Biên Hòa, tỉnh Long Khánh, tỉnh Tân Phú, tỉnh Bà Rịa (kể cả Vũng Tàu)) gồm Thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu, các huyện: Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải.

Từ năm 1976 đến nay, địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai nhiều lần được điều chỉnh. Những điều chỉnh này nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý địa bàn, cả về an ninh quốc phòng, quy hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cùng năng lực, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ công chức, nhất là ở cơ sở. Việc điều chỉnh này thường theo hướng chia nhỏ tỉnh, tách huyện lập thêm huyện mới, chuyển thị trấn (do chưa đủ điều kiện) thành huyện, chia một xã thành nhiều xã, hoặc nâng xã thành phường ở khu vực đô thị... Một số điều chỉnh có tác động đến việc thay đổi địa giới hành chính của tỉnh Đồng Nai cần lưu ý được tác giả thống kê theo dạng bảng dưới đây.

Đầu tiên, dựa vào tài liệu, tác giả thống kê **sự thay đổi về số lượng đơn vị trực thuộc tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến năm 1995**, như sau:



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Thời gian	Số lượng đơn vị trực thuộc
1976	1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện, 1 quần đảo (Trường Sa), 154 phường, xã, thị trấn.
1979	1 thành phố, 8 huyện, 1 quần đảo, 141 phường, xã, thị trấn
1985	1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, 147 phường, xã, thị trấn
1990	1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, 155 phường, xã, thị trấn
1992	1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, 119 phường, xã, thị trấn
1995	1 thành phố, 8 huyện, 163 phường, xã, thị trấn

Chi tiết hơn, từ năm 1976 đến năm 1995, sự thay đổi địa giới của Tỉnh Đồng Nai có thể thống kê trong bảng sau:

Thời gian	Căn cứ văn bản	Sự thay đổi địa giới
29/12/1978	Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 4	Cắt huyện Duyên Hải (tỉnh Đồng Nai) nhập về thành phố Hồ Chí Minh (nay là huyện Cần Giờ)
30/5/1979	Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 5	Thành lập Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo (gồm có thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn, huyện Châu Thành và huyện Côn Đảo của tỉnh Hậu Giang) Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo trực thuộc Trung ương và tương đương cấp tỉnh.
09/12/1982	Quyết định số 193.HĐBT	Thành lập huyện Trường Sa (trước đây vốn thuộc huyện Long Đất (Đồng Nai). Huyện



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

		Trường Sa bao gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa.
28/12/1982	Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4	Sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh (sau này thuộc tỉnh Khánh Hòa).
23/12/1985	Quyết định số 284.HĐBT	Thành lập thị xã Vĩnh An (gồm huyện Vĩnh Cửu và 2 lâm trường: Hiếu Liêm, Mã Đà) Thị xã Vĩnh An gồm 2 phường: Trị An và Cây Gáo và 11 xã: Bình Hòa, Bình Long, Bình Thạnh, Bình Phước, Bình Ý, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Tân Triều, Thiện Tân và 2 lâm trường Hiếu Liêm và Mã Đà. Huyện Tân Phú sau khi cắt 2 lâm trường Hiếu Liêm và Mã Đà thì còn lại 13 xã, 1 thị trấn.
10/04/1991	Quyết định số 107.HĐBT	Chia huyện Xuân Lộc thành hai huyện: Xuân Lộc và Long Khánh. Huyện Xuân Lộc mới gồm các xã: Xuân Định, Xuân Bảo, Xuân Phú, Xuân Đông, Xuân Tây, Xuân Bắc, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Xuân Trường, Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

		<p>Hòa và Thị trấn nông trường Sông Ray. Huyện Xuân Lộc mới gồm các xã: Xuân Định, Xuân Bảo, Xuân Phú, Xuân Đông, Xuân Tây, Xuân Bắc, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Xuân Trường, Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hòa và Thị trấn nông trường Sông Ray.</p> <p>Huyện Long Khánh mới gồm các xã: Xuân Lập, Xuân Bình, Xuân Vinh, Xuân Tân, Xuân Đường, Xuân Mỹ và thị trấn Xuân Lộc.</p> <p>Chia huyện Tân Phú thành hai huyện: Định Quán và Tân Phú</p> <p>Huyện Tân Phú mới gồm các xã: Daklua, Núi Tượng, Phú An, Nam Cát Tiên, Phú Bình, Phú Lâm, Phú Thanh, Phú Lộc, Phú Lập, Phú Điền.</p> <p>Huyện Định Quán mới gồm các xã: Phú Hoa, Phú Hòa, Phú Ngọc, Phú Cường, Suối Nho, thị trấn Định Quán.</p>
12/08/1991	Nghị quyết của Quốc hội khóa	Cắt 3 huyện: Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Đồng Nai nhập với Đặc khu



	VIII, kỳ họp thứ 9	Vũng Tàu – Côn Đảo để thành lập tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
26/03/1994	Nghị định 51.CP	Chia huyện Long Thành thành hai huyện: Long Thành và Nhơn Trạch
29/08/1994	Nghị định 109.CP	Lập lại huyện Vĩnh Cửu từ cơ sở thị xã Vĩnh An: Gồm 10 đơn vị hành chính: các xã Phú Lý, Tân An, Vĩnh Tân, Thiện Tân, Thạnh Phú, Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hòa, Trị An (phường Trị An cũ) và thị trấn Vĩnh An (phường Cây Gáo cũ).

Tiểu kết: Trong vòng 20 năm kể từ ngày giải phóng, tỉnh Đồng Nai đã nhiều lần tách, nhập các đơn vị hành chính trong tỉnh và một số huyện của tỉnh thì được tách ra, nhập về các tỉnh khác nhằm phù hợp với việc quản lý và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

1.4. Giai đoạn từ 1995 đến nay (12/2018)

Bảng dưới đây trình bày những thay đổi của các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Đồng Nai (từ cấp huyện, thị, thành phố) trong giai đoạn từ năm 1995 đến nay:

Thời gian	Căn cứ văn bản	Sự thay đổi địa giới
21/08/2003	Nghị định 97/2003/NĐ- CP	Nâng huyện Long Khánh thành thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc (sáp nhập từ thị trấn Xuân Lộc và các xã: Xuân Lập,



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

		<p>Bàu Sen, Suối Tre, Bình Lộc, Bảo Quang, Bảo Vinh, Xuân Tân, Xuân Thanh của huyện Long Khánh)</p> <p>Thành lập huyện Cẩm Mỹ (sáp nhập các xã: Xuân Quế, Sông Nhạn, Xuân Đường, Thừa Đức, Nhân Nghĩa, Long Giao, Xuân Mỹ của huyện Long Khánh; và sáp nhập các xã: Xuân Bảo, Bảo Bình, Xuân Đông, Xuân Tây, Xuân Ray, Lâm San của huyện Xuân Lộc)</p> <p>Thành lập huyện Trảng Bom (sáp nhập từ các xã: Hồ Nai 3, Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Sông Trầu, Tây Hòa, Trung Hòa, Đông Hòa, Hưng Thịnh, Sông Thao, Bàu Hàm, Giang Điền, An Viễn, Đồi 61, Cây Gáo, Thanh Bình và thị trấn Trảng Bom của huyện Thống Nhất)</p>
05/02/2010	Nghị quyết số 05/NQ-CP	Điều chỉnh địa giới huyện Long Thành để mở rộng địa giới hành chính thành phố Biên Hòa (các xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước của huyện Long



		Thành về thành phố Biên Hòa quản lý)
30/12/2015	Quyết định 2488/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Biên Hòa trở thành đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Đồng Nai, thị xã Long Khánh trở thành đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

Vừa qua, vào kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh khóa VIII, ngày 16/01/2015, các đại biểu HĐND tỉnh đã thông qua Đề án điều chỉnh, thành lập mới đơn vị hành chính cấp xã thuộc các huyện Thống Nhất, Định Quán, Xuân Lộc và TP. Biên Hòa. Đề án đang trong giai đoạn chờ Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, phê duyệt trước khi tổ chức triển khai thực hiện. Vậy là trong tương lai, chắc chắn sẽ tiếp tục có những thay đổi về địa giới hành chính trong nội bộ tỉnh Đồng Nai nhằm phù hợp hơn trong công tác quản lý, phát triển kinh tế và văn hóa – xã hội ở từng địa phương.

Ngoài ra, ở kỳ họp bất thường diễn ra vào ngày 26/9/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thông qua các nghị quyết điều chỉnh địa giới hành chính 6 xã gồm: Bình Sơn, Suối Trầu, Cẩm Đường, Long An, Long Phước, Bàu Cạn thuộc huyện Long Thành để thực hiện dự án xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành và thông qua các nghị quyết về việc thành lập các phường trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng diện tích và dân số các xã Hóa An, Hiệp Hòa, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước và Tân Hạnh (thuộc TP Biên Hòa); Huyện Nhơn Trạch sẽ thành lập thị trấn Hiệp Phước trên cơ sở xã Hiệp Phước; huyện Thống Nhất sẽ thành lập thị trấn Dầu Giây và điều chỉnh địa giới hành chính các xã Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Xuân Thạnh, Quang Trung; thị xã Long Khánh sẽ trở thành thành phố Long Khánh.



1.5. Đôi nét về tỉnh Đồng Nai hiện nay (theo tài liệu của Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai)



Đồng Nai là tỉnh nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ của Việt Nam, vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên. Tỉnh Đồng Nai nằm ở cực bắc miền Đông Nam Bộ, có tọa độ địa lý từ 10°30'03 đến 11°34'57" vĩ độ Bắc và từ 106°45'30 đến 107°35'00 kinh độ Đông.

Ảnh: Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai hiện nay
(Nguồn ảnh: Internet)

Đồng Nai có diện tích 5.862,37 km², bằng 1,76% diện

tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước.

Đồng Nai giáp các tỉnh: phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh; phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.



Ảnh: Một góc đô thị loại I Biên Hòa nhìn từ trên cao
(Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai)



Ảnh: Một góc đô thị loại 3 Long Khánh nhìn từ trên cao
(Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai)



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 1 thành phố và 1 thị xã và 9 huyện, chia làm 136 xã, 29 phường và 6 thị trấn.

Đơn vị hành chính cấp Huyện	Thành phố Biên Hòa	Thị xã Long Khánh	Huyện Trảng Bom	Huyện Long Thành	Huyện Nhơn Trạch	Huyện Vĩnh Cửu	Huyện Xuân Lộc	Huyện Định Quán	Huyện Tân Phú	Huyện Thống Nhất	Huyện Cẩm Mỹ
Diện tích (km ²)	264,08	197,2	326,11	431,01	410,8	1.092,01	725,84	966,5	774	247,19	467,95
Dân số (người)	1.144.974	198.000	308.439	303.594	301.372	160.377	250.880	227.324	180.528	172.900	172.000
Số đơn vị hành chính	23 phường, 7 xã	6 phường, 9 xã	16 xã, 1 thị trấn	14 xã, 1 thị trấn	12 xã	11 xã, 1 thị trấn	14 xã, 1 thị trấn	13 xã, 1 thị trấn	17 xã, 1 thị trấn	10 xã	13 xã
Năm thành lập	1976	2003	2003	1994	1994	1994	1991	1991	1991	2003	2003

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân số tỉnh Đồng Nai có 2.483.211 người; trong đó có 1.232.182 nam, 1.252.029 nữ. Như vậy, tỉnh Đồng Nai có dân số đông hàng thứ 5 của Việt Nam, đứng hàng thứ hai trong số các tỉnh thành miền Đông Nam bộ. Mật độ dân số theo tỉ lệ 421 người/ km² . Có trên 30 thành phần dân tộc sinh sống.

Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch như quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Thống Nhất... Vì thế, Đồng Nai



được coi như là “bản lề chiến lược” giữa bốn vùng của các tỉnh phía Nam. Nó không chỉ có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, mà còn có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng và môi trường của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

1.6. Nguồn gốc của tên gọi Đồng Nai

Có rất nhiều những giải thích về tên gọi của địa danh Đồng Nai, ở bài viết này, tác giả xin được giải thích về nguồn gốc của tên gọi “Đồng Nai” qua nghiên cứu của PGS.TS Lê Trung Hoa – Nguyên Giảng viên Bộ môn Ngôn Ngữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM, đây là vị giáo sư đầu ngành trong nghiên cứu Nhân Danh học – Địa Danh học. Ngoài ra, tác giả chọn trình bày lại tài liệu này bởi vì tham luận “Nguồn gốc, ý nghĩa và quá trình phát triển của địa danh Đồng Nai” đã được trình bày tại hội thảo “Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm” và được đánh giá cao vì có sức thuyết phục.

1. Theo sử liệu Việt Nam, năm 1658

Nhân việc vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân “xâm phạm biên cảnh”, quân chúa Nguyễn đã vào đánh chiếm Moi Xoai, nay thuộc tỉnh Đồng Nai. Như vậy, địa danh Đồng Nai có lẽ đã ra đời gần thời điểm vừa nêu.

Theo tài liệu, địa danh Đồng Nai xuất hiện bằng chữ Quốc Ngữ lần đầu tiên trong một báo cáo của giáo hội Thiên Chúa về tình hình giáo dân ở Nam Bộ năm 1747: Doũ – nai. Sau đó, địa danh Đồng Nai xuất hiện, vừa bằng chữ Nôm vừa bằng Quốc Ngữ vào năm 1772, trong Dictionarium annamitico – latinum (từ điển An Nam- La Tinh) của Pigneau de Béhaine.

Hai chữ Hán và Nôm mà tác giả dùng để phiên âm địa danh Đồng Nai là 全 隼 . Hai chữ này về sau, Lê Quý Đôn, Trịnh Hoài Đức, Taberd, Huỳnh Tịnh Của, Génibrel cũng viết như thế. Như vậy, tất cả các từ điển và sách sử địa đều nhất trí về cách viết bằng chữ Nôm địa danh Đồng Nai.

2. Về nghĩa hai chữ trên



PGS.TS Lê Trung Hoa cho rằng các tác giả đều hiểu là “cánh đồng có những con nai”. Génibrel ghi rõ ý này” “la plaine aux cerfs”. Khi cần dịch địa danh này sang chữ Hán, các nhà nho đã fudng hai từ Lộc Dã. Lộc là con Nai; Dã là cánh đồng. Vậy, các nhà Hán học cũng hiểu chữ ghép Đồng Nai vốn có nghĩa trên.

3. Ngoài Lộc Dã, còn có từ “Lộc Động”

Theo nghĩa đen, Lộc Động là “hang nai”, rõ ràng không khớp nghĩa với Đồng Nai, và thực tế cho biết nai không ở trong hang. Theo PGS, đây là một từ ghép vừa dịch nghĩa vừa phiên âm. Lộc để dịch nai, Động để phiên âm Đồng. Hiện tượng tương tự đã được sử dụng. Người ta đã dùng từ ngữ Nghi Giang để chỉ Rạch Thị Nghè. (Thị) Nghè được phiên thành Nghi và rạch được dịch thành Giang. Mặt khác, để phiên âm địa danh Đồng Hới (Quảng Bình), người xưa đã dùng hai từ Hán Việt Động Hải. Động Hán Việt đã được dùng để phiên âm Đồng thuần Việt.

4. Đồng Nai xuất phát từ cách phiên âm thuần túy Nông Nại

Đồng được phiên âm thành Nông là có thể chấp nhận vì hai phụ âm đầu “đ” và “n” cùng là phụ âm đầu lưỡi, đã có nhiều tiền lệ chuyển đổi như: (tám) đem – nệm, (đến) đổi – nổi, độc (tiếng Mường)- nọc (tiếng Việt)... Còn từ Nai, trong tiếng Hán – Việt không có, nên phải dùng Nại là tiếng gần âm để phiên.

Lưu ý thêm, các tên gọi Lộc Dã, Lộc Động, Nông Nại không phải là những địa danh thực thụ mà chủ là tên dịch, tên phiên âm hoặc tên vừa dịch vừa phiên âm của địa danh Đồng Nai mà thôi. Chính vì lẽ đó, những tên vừa nêu không bao giờ được các từ điển Quốc ngữ ghi lại như Đồng Nai. Tương tự, thực sự không có các địa danh Sài Côn, Nghi Giang, Đại Phong Giang, Tiểu Phong Giang, Sa Giang, Thuyền Úc... mà chỉ có Sài Gòn, rạch Thị Nghè, rạch Ong Lớn, rạch Ông Bé, rạch Cát, Vũng Tàu...

5. Mặt khác, cấu trúc “từ chỉ địa hình+ tên thú” rất phổ biến ở Việt Nam,



Đặc biệt, có thể kể một số địa danh ở Nam Bộ cũng theo phương thức cấu tạo này, cho nên cũng có thể giải thích địa danh “Đồng Nai” có từ phương pháp cấu tạo này mà ra: rạch Bến Trâu, Gò Công, Hồ Bò, cầu rạch Địa, ấp bầu Trăn,... Còn yếu tố nai hay hươu xuất hiện trong địa danh cũng khá nhiều: Hồ Nai, Đồng Hươu (Biên Hòa), rạch Nai, ấp Bầu Nai, sông Mũi Nai, Hóc Hươu (TP.HCM).

6. Cho đến nay, địa danh Đồng Nai đã chỉ ít nhất 8 đôi tượng, tức là có 8 địa danh Đồng Nai theo trình tự phát triển như sau

Địa danh Đồng Nai đầu tiên là tên một cánh đồng có nhiều nai, một vùng trong lãnh thổ tỉnh Đồng Nai hiện nay.

Địa danh Đồng Nai kế tiếp chỉ chợ hạ lưu sông Đồng Nai vào thế kỷ XIX, cách thị xã Biên Hòa độ 5 dặm. Câu ca dao sau đây có nhắc đến tên này:

Chị Hươu đi chợ Đồng Nai
Ghé qua Bến Nghé, ngồi nhai thịt bò

Địa danh Đồng Nai thứ ba chỉ cả vùng miền Đông Nam Bộ. câu ca dao sau đây nhắc đến địa danh này:

Hết gạo thì có Đồng Nai
Hết củi thì có Tân Sài chở vô
Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về

Địa danh tiếp theo là tên sông. Vì chảy qua miền Đông Nam Bộ nên sông mang tên Đồng Nai. Câu tục ngữ “gạo Cần Đức, nước Đồng nai” nói về giá trị của gạo ở cần Đức và tính trong lành của nước ở dòng sông này.

Địa danh Đồng nai thứ năm chỉ cả Nam Bộ Đồng Nai trong bài “Chạy Tây” của Nguyễn Đình Chiểu và trong hai câu ca dao khá phổ biến ở miền trung sau đây chỉ vùng đất này:

Bến ghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây



Đồng Nai gạo trắng như cò
Trốn cha, trốn mẹ xuống đò theo anh
Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân cũng trái, Đồng Nai cũng từng

Địa danh Đồng Nai trong câu “Nhất Đồng Nai, nhì Hai Huyện” cũng chỉ cả Nam Bộ.

Mặt khác, chiếc cầu trên xa lộ Hà Nội bắc qua sông Đồng Nai được xây trong thời gian 1957-1961, cũng mang tên Đồng Nai.

Đầu năm 1976, ba tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy đã được sáp nhập thành tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, còn có địa danh Đồng nai Thượng. Đây là tên một tỉnh ở thượng nguồn sông Đồng Nai, lấy Đà Lạt làm tỉnh lỵ, lập năm 1899 và giải thể năm 1901.

7. Đối với tên nước Thù Nại

Nhà nghiên cứu cho rằng không có quan hệ gì với địa danh Đồng Nai vì mấy lý do. Trước hết, các nhà sử học chưa nhất trí về tên gọi nước này (Thù Nại, Thù Cấm hay Chu nại?). Kế đến, nước này nằm ở địa phận vào (Nam Bộ hay nơi khác?). Mặt khác, Nai có thể có quan hệ về ngữ âm với Nại, chứ Cấm thì không. Còn Thù và Chu hoàn toàn không có quan hệ gì về âm và nghĩa với Đồng. Sau cùng, tên nước này vốn là một từ cổ được Hán Việt hóa, còn Đồng Nai là một từ thuần Việt và xuất hiện trong thời kỳ cận đại.

Ngoài ra, trong tập san Du lịch Đồng Nai hè 1988, PGS.TS Lê Trung Hoa cũng từng đề cập đến địa danh Đồng Nai:

“Trong phạm vi khái niệm địa lý vùng đất Đồng Nai, ít nhất có bốn địa danh có quan hệ trực tiếp đến Nai: Hang Nai, Nhà Nai, Hồ Nai và Đồng Nai. Chúng ta chú ý hai yếu tố cấu thành bốn địa danh này: một là hình tượng con Nai biểu hiện, khắc họa như một thứ TOTEM, thứ hai về một ngôn ngữ hoàn toàn thuần nhất thành tố Nôm”... “Chúng ta thử phác họa một bức tranh miêu tả đoàn người này (di dân, NV chú) xuyên rừng, mở lối hoặc dùng thuyền bè ngược sông



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Thị Vải, Đồng Môn, Đồng Nai đi sâu vào đất liền với đôi bờ sông rộng mở, những trảng cỏ mênh mông xanh mượt, nơi hội tụ của quần thể động vật đặc trưng vùng nhiệt đới, từ loài bò sát, gặm nhấm, ăn cỏ, ăn thịt... Nai cho mãi đến sau này vẫn chiếm số lượng lớn, sống thành bầy, thích phơi mình trên nh ững đồng cỏ ven sông, đầm lầy hơn là rừng rậm. Tên gọi Đồng Nai chắc xuất phát từ sự quan sát và cách tư duy của thế hệ người khai phá này. Lộc dã, Lộc động mãi sau này, cuối thế kỷ XVIII khi các điền chủ, các quan kinh lược theo lệnh chúa Nguyễn vào, mới có. Xu hướng Hán hóa các địa danh khá phổ biến. Ví dụ: núi Núi được ghi là Trúc Sơn, rạch Cát được ghi là Sa hà, sông Bé thành Tiểu Giang...

Tóm lại, qua bài nghiên cứu của Giáo sư Lê Trung Hoa, có thể thấy, địa danh Đồng Nai xuất hiện bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên trong một báo cáo của giáo Hội Thiên Chúa về tình hình Giáo dân ở Nam Bộ năm 1747. Sau đó, địa danh Đồng Nai vừa xuất hiện bằng chữ Nôm, vừa bằng chữ Quốc ngữ năm 1772 trong cuốn từ điển An Nam – La Tinh của Pigneau de Béhaine.

Cho đến nay, có thể quy Đồng Nai và 3 xuất xứ: tên một nước cổ đại (không được ủng hộ nhiều), tên con sông theo cách gọi của người Mạ, từ quan sát đương thời.



CÂU 2: TRÌNH BÀY NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)? TRÌNH BÀY NHỮNG CẢM NHẬN CỦA ANH (CHỊ) VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI; ANH (CHỊ) SẼ LÀM GÌ ĐỂ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG ẤY?

2.1. DẪN NHẬP

Trong hành trình mở mang, xây dựng và bảo vệ vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, lịch sử đã chứng kiến bao chiến công tiêu biểu của ông cha ta. Họ đã không tiếc tuổi thanh xuân, xương máu của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Đó là những người học sinh – sinh viên mang trong mình bao hoài bão, ước mơ về một đất nước hòa bình nhưng họ đã chấp nhận xếp bút nghiên mà cầm chắc tay súng, xung phong ra chiến trường. Đó là những người nông dân, thợ thủ công quanh năm tất bật với công việc của mình để rồi khi đất nước bị xâm lăng họ đã dùng chính những công cụ sản xuất như cuốc, thuổng, gậy, gộc,... để đứng lên bảo vệ xứ sở, giữ từng tấc đất quê hương.

Tính từ cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ II đến khi nước nhà giành độc lập, cùng với lịch sử phát triển của đất nước, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai đã trải qua 30 năm kháng chiến đầy anh dũng và tự hào.

Trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, quân dân vùng đất này đã góp công lớn trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc bằng nhiều thắng lợi: thành lập Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu (tiền thân của trường Quân chính Quân khu 7), Trận Tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa (1946), Trận La Ngà (1948), Biên Hòa – nơi sản sinh cách đánh đặc công,...

Trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ, quân dân vùng đất cũng làm nên nhiều chiến thắng vẻ vang: Cuộc nổi dậy phá khám Nhà lao Tân Hiệp, Trận đầu diệt Mỹ (Trận Nhà Xanh – 1959), Chiến thắng Sân bay Biên Hòa, đánh vào tổng



kho Long Bình, Đập tan cánh cửa thép của Mỹ - Ngụy trong chiến dịch Xuân Lộc,...

Những thắng lợi vừa kể trên cũng chính là những chiến công tiêu biểu trong hai cuộc kháng chiến: chống Pháp và chống Mỹ mà tác giả sẽ trình bày dưới đây. Dưới mỗi chiến công, tác giả sẽ trình bày những tóm tắt sơ nét về những giá trị đã đạt được, đóng góp chung vào thành công của Cách mạng Việt Nam.

Phản trả lời cho câu hỏi số 2 sẽ gồm 3 phần:

- **Phần 1: Những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975),**
- **Phần 2: Những cảm nhận của tác giả về truyền thống đấu tranh Cách mạng của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai,**
- **Phần 3: Những ý kiến đóng góp, những việc làm thiết thực của tác giả để giữ gìn và phát huy truyền thống Cách mạng của cha ông.**



**PHẦN 1: NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN
BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)
VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)**



2.2. NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)

2.2.1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu

Tháng 9-1945, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập trường huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở Miền Đông, bây giờ gọi là trại Du kích Vĩnh Cửu.

Lãnh đạo tổ chức trại gồm: Phan Đình Công - thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa phụ trách quân sự, Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định, giáo sư Phạm Thiều, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Đình Ưu, Huỳnh Văn Hớn phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Biên Hòa.

Địa điểm được chọn để mở trường huấn luyện là ấp Vĩnh Cửu thuộc xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa, nay là phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa). Ấp Vĩnh Cửu chỉ cách thành phố Biên Hòa khoảng 6 km theo đường kiểm đất đỏ ra quốc lộ 15 chỉ 800 mét. Vĩnh Cửu (lúc này) có địa hình rừng chồi, rừng già chỉ cách 2 km, trong ấp có khoảng vài chục căn nhà lợp lá của dân. Ngôi nhà ngói duy nhất của ấp Vĩnh Cửu là nhà thầy giáo Hồ Văn Thế, dựa lưng rừng chồi và Suối Linh. Ông giáo Thế đã nhường ngôi nhà này để làm văn phòng ban chỉ huy của trại. Trước nhà là mảnh ruộng lớn dùng làm bãi tập quân sự. Học viên của trại được bố trí ăn ở ngay trong nhà dân. Hàng ngày Ủy ban Nhân dân tỉnh đều có hai xe ca chở lương thực tiếp tế cho trại.

Ngày 26-9-1945, trại mở khóa học đầu tiên. Trường không chỉ tập hợp thanh niên ưu tú ở các địa phương trong tỉnh, mà còn thu hút nhiều tổ chức, cá nhân từ các địa phương khác:

- Phân đội nhà máy cưa Biên Hòa (BIF)
- Phân đội Tân Phong do Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy (ông nguyên là công chức sở Đạc điền Biên Hòa) - Một tiểu đội lính Nhật theo kháng chiến 10 người từ Tân Vạn lên tham gia.
- 20 người, gồm cả đảng viên Cộng sản ở hộ 6 Sài Gòn.
- Công nhân xe lửa Sài Gòn (7 người).



- Thanh niên các xã và nhiều công, tư chức ở Biên Hòa, Sài Gòn...

Điều đáng nói là tuy trường mới thành lập, nhưng lại có số lượng súng khá lớn (78 khẩu) đủ để huấn luyện và chiến đấu. Số lượng vũ khí này tập hợp từ nhiều nguồn:

Số súng do anh Nguyễn Đình Ưu cung cấp. Nguyễn Đình Ưu quê ở Nghi Lộc (Nghệ An), tốt nghiệp trường Cao đẳng thương mại Hà Nội, năm 1941 được bổ nhiệm làm giám đốc Nông phổ ngân hàng Biên Hòa (Office Indochinois de crédit agricole mutuel - OICAM). Khi Nhật bị thua trận trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, một sĩ quan Nhật quen biết với Ưu đã cho anh một số súng đạn. Ưu cất kỹ trong cơ quan, khi trại du kích Vĩnh Cửu thành lập, anh đã chuyển giao gồm 40 khẩu súng trường, 4 khẩu súng phóng lựu, đạn, lựu đạn, mìn chống tăng, gươm Nhật.

- 20 khẩu súng săn 12 ly, 16 ly, tịch thu của thực dân Pháp sau tháng 8 -1 945 do Ủy ban Nhân dân tỉnh chuyển giao.
- 10 khẩu súng trường Nhật do tiểu đội "Việt Nam mới" mang theo cùng đồng chí Lắm từ Tân Vạn về gia nhập trại.
- Đoàn Thanh niên cứu quốc Biên Hòa mang 4 khẩu súng trường.

Giảng viên chính của trại gồm: Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định (dạy quân sự). Nguyễn Xuân Diệu nguyên là bí thư chi bộ hộ 6 ở Sài Gòn; còn Nguyễn Trí Định là đảng viên chi bộ Hòa Hưng (Sài Gòn), được đào tạo ở trường thiếu sinh quân của Pháp (Enfants de troupe), đã từng làm đội cho Pháp trong đồn Chí Hòa, người quê ở Hương Sơn, Hà Tĩnh. Tham gia huấn luyện quân sự còn có nhóm "Việt Nam mới".

Tài liệu giảng dạy gồm có quyển: "chiến thuật du kích" của Nguyễn Ái Quốc, quyển Infanterie militaire (bộ binh) của Pháp.

Phân công trong ban lãnh đạo của trại:

- + Phan Đình Công, phụ trách chung.
- + Nguyễn Xuân Diệu, phụ trách nội chính, huấn luyện.
- + Nguyễn Trí Định, giảng viên huấn luyện tác chiến.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

- + Bác sĩ Văn, phụ trách y tế.
- + Nhà sư Đào Đăng Nam, phụ trách do thám
- + Phạm Thiều, Thanh Sơn, giảng viên chính trị.

Nội dung huấn luyện quân sự gồm: huấn luyện đội ngũ, chiến thuật chiến đấu cá nhân, chiến đấu tiểu đội, trung đội; cách sử dụng các loại vũ khí (súng trường, trung liên, lựu đạn, phóng lựu) . Đặc biệt, học viên còn được dạy cách đánh xe tăng bằng mìn chống tăng do Hòa Xang, nguyên là lính lái xe tăng trước đây của Nhật hướng dẫn. Học viên còn được học võ Judo, kỹ thuật đánh cận chiến bằng lưỡi lê...

Chương trình huấn luyện chính trị gồm các nội dung: năm bước công tác cách mạng (điều tra, tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức, đấu tranh); đạo đức cách mạng, hy sinh vì Tổ quốc, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, dân chủ và kỷ luật, quan hệ với dân, khí tiết cách mạng...; nước Việt Nam thời Pháp thuộc, Nhật thuộc; cách mạng dân chủ mới; chương trình Mặt trận Việt Minh; chính quyền cách mạng dân chủ nhân dân.

Tháng 10-1945, quân Nhật ở Biên Hòa theo lệnh Đồng minh lừng sục vào Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy trại quyết định chuyển trường về bên kia quốc lộ 15, đóng ở đồi An Hảo, trong một ngôi biệt thự của chủ xí nghiệp gạch ngói người Pháp. Nhưng 5 ngày sau, trường lại dời về đình Bình Đa. Đình Bình Đa vừa là trung tâm chỉ huy của trường, vừa là hội trường để lên lớp cho các học viên. Khi trường dời về đình Bình Đa, chính là lúc đoàn quân Nam tiến do đồng chí Nam Long chỉ huy vào đến Biên Hòa. Trường được tăng cường thêm một số giảng viên quân sự, chính trị đã tốt nghiệp trường quân chính Việt Bắc như: Đỗ Hy Vọng, Mạnh Liên, Quang Phục...

Trường đã mở được hai khóa huấn luyện, mỗi khóa 15 ngày. Tuy thời gian huấn luyện ngắn nhưng những chiến sĩ tốt nghiệp tại trường du kích Vĩnh Cửu vừa biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị, biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận... Đó chính là những cán bộ quân đội kiểu mới. Hầu hết các học viên sau này đều là những cán bộ nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang ở các tỉnh miền Đông Nam bộ.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Ngoài huấn luyện quân sự, chính trị, tăng cường cán bộ cho các địa phương, trường còn phối hợp với lực lượng quân Nam tiến đánh chiếm cầu Bình Lợi, ngăn chặn quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra ngoài Sài Gòn (20-10-1945).

Ngày 25-10-1945, quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, một lần nữa, trường phải chuyển về khu vực Suối Linh (Vĩnh Cửu). Nhà thầy giáo Thê, giáo Tỏi, giáo Tòng, những người hết lòng ủng hộ, giúp đỡ cho trường hoạt động bị địch cho xe tăng ủi sập, phá hủy toàn bộ. Trường chỉ ở Suối Linh vài ngày, sau đó để có thể tiếp tục huấn luyện lâu dài, Ban chỉ huy quyết định đưa trường về Tân Tịch (Tân Uyên).

Hơn hai tháng thành lập, huấn luyện, trại Du kích Vĩnh Cửu, trường quân chính đầu tiên của Biên Hòa và miền Đông đã đào tạo trên 100 cán bộ quân sự, chính trị. Đây là lực lượng nòng cốt để phát động phong trào du kích ở Biên Hòa và một số tỉnh miền Đông. Đây cũng là những cán bộ quân đội nòng cốt của nhiều đơn vị vũ trang như chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa, trung đoàn 812 Bình Thuận...



Ảnh: Các cán bộ chiến sĩ Chi Đội 10 (đơn vị được thành lập từ Trại huấn luyện Du kích Vĩnh Cửu) chia sẻ ký ức về đồng đội trong buổi họp mặt
Nguồn ảnh: Báo Lao Động Đồng Nai

Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, Bình Đa, chính là tiền thân của trường Quân chính quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp.

Thực chất trại Vĩnh Cửu, trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu là một tổ chức quân sự tập trung có quân số khá đông (4 phân đội 100

người), có tổ chức chỉ huy. Đó là một đội quân có quy củ, được trang bị mạnh ngay từ những ngày đầu kháng chiến, có sự lãnh đạo của Tỉnh Ủy và Ủy ban Nhân dân



tính. Trại là một trong những lực lượng quan trọng hợp thành chi đội 10 Biên Hòa sau này.

Cảm nhận của tác giả: Có thể thấy Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu đã tạo tiền đề, là cơ sở để xây dựng tổ chức Đảng vững chắc tại địa phương nhằm chuẩn bị lực lượng nòng cốt cả về mặt chính trị và vũ trang để phát triển phong trào du kích ở Biên Hòa và các tỉnh miền Đông cũng như để đối phó với địch trong giai đoạn sau.

Qua Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, những cán bộ từ trại đã tỏa ra, làm nhiệm vụ khắp các mặt trận trên chiến trường miền Nam. Đây cũng là những cán bộ nòng cốt của nhiều đơn vị vũ trang như chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa...

Theo tác giả, bước chuẩn bị kỹ càng về nòng cốt chính trị, vũ trang trong Trại huấn luyện chính là xây dựng nền tảng vững chắc của tổ chức Đảng nhằm tiến đến những thắng lợi sau này.

2.2.2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2-1-1946).

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26-8-1945 đến ngày 24-10-1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày. Trong gần hai tháng đó, Tỉnh ủy lâm thời mới được thành lập (qua hội nghị Bình Trước), chính quyền mới ra đời còn rất non trẻ, vừa phải lo ổn định đời sống, sản xuất cho dân, vừa tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần thứ hai như lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ lấy độc lập tự do...

Thực dân Pháp âm mưu xâm lược lại nước ta lần nữa. Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, lợi dụng danh nghĩa Đồng minh, tháng 8-1945, quân Pháp theo chân quân Anh đổ bộ vào Sài Gòn và liên tục gây hấn. Rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến ở Nam bộ đã bùng nổ. Lời kêu gọi kháng chiến của Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ đã thể hiện rõ



quyết tâm của toàn dân ta nói chung và nhân dân Nam bộ nói riêng "Hỡi đồng bào! Từ giờ phút này, nhiệm vụ của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng. Hỡi anh em binh sĩ, dân quân tự vệ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước".

Cuối tháng 10-1945, Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn. Và mục tiêu lần chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Trước đó, Tỉnh ủy, ủy ban Nhân dân Biên Hòa một mặt xây dựng lực lượng vũ trang, đưa lực lượng vũ trang Kinh-Thượng xuống cùng nhân dân Sài Gòn Gia Định chống Pháp; vừa phát động vườn không nhà trống, phát lệnh toàn dân "tiêu thổ kháng chiến". Các cơ quan lãnh đạo và các đoàn thể đều rút ra vùng căn cứ Tân Uyên và vùng ven thị xã, xây dựng căn cứ du kích như Bình Đa, Hồ Cạn (Tân Phong).

Ngày 24-10-1945, thực dân Pháp với quân Anh hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Chúng đưa quân trấn giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá, chiếm đóng các công sở như Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... và bắt tay xây dựng lại bộ máy chính quyền tay sai ở tỉnh lỵ và thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12-1945 vẫn là khu vực xã Bình Trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh Cửu), quốc lộ 1 (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Trong lúc đó, tại Biên Hòa, từ cuối tháng 10-1945, nhiều lực lượng vũ trang đã về đứng chân: Liên chi 2-3 Bình Xuyên ở hướng Rừng Sác, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ) ở Tân Uyên và Châu Thành. Xung phong cảm tử quận Châu Thành ở Bình Thảo (Bình Phước); Vệ quốc đoàn Châu Thành ở Thiệt Tân, Vệ quốc đoàn Long Thành, lực lượng trường du kích Vĩnh Cửu; quân Nam tiến



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

ở Xuân Lộc. Và đến tháng 12-1945, chiến khu 7 thành lập do Nguyễn Bình làm tư lệnh, lực lượng vũ trang miền Đông từng bước có sự chỉ huy và lãnh đạo thống nhất.

Thị xã Biên Hòa lúc này được thực dân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng. Cơ quan tuyên truyền của địch không ngớt ca ngợi "thành quả" lấn chiếm, mở rộng của Pháp nằm trong chiến lược "đánh nhanh, chiếm nhanh và bình định nhanh" Nam bộ.

Để đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp, khẳng định sự tồn tại và phát triển của lực lượng kháng chiến ở miền Đông. cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, Tư lệnh chiến khu 7 quyết định tổ chức trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Đây là một chủ trương táo bạo và cần thiết.

Công tác trinh sát, nghiên cứu địch trong thị xã được giao cho Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Phân đội 4 do Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy. Phân đội trưởng phân đội 5 là Lê Thoa cùng các chiến sĩ công tác thành nhiều lần hóa trang, bí mật lọt vào nội ô tỉnh lỵ để nghiên cứu các mục tiêu, lên sơ đồ các điểm đóng quân của Pháp, các công sở của địch, trọng điểm là thành Săng Đá, sở hiến binh, bưu điện, nhà ga Biên Hòa, cầu Gành, hăng dầu...

Các lực lượng tham gia cuộc tập kích bao gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, liên quân Hóc Môn – Gia Định, liên chi 2-3 Bình Xuyên.

Cuối tháng 12-1945, công tác tổ chức và phương án tiến công đã được thông qua. Các lực lượng vũ trang đã được điều về áp sát thị xã trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Thời gian được chọn là sau



Ảnh: Ga Biên Hòa xưa, một trong những nơi diễn ra trận tập kích đầu tiên của lực lượng Cách mạng vào tỉnh lỵ Biên Hòa

Nguồn ảnh: Internet



ngày tết dương lịch, ngày địch ít phòng bị nhất.

Đêm 1 rạng sáng ngày 2-1-1946, các lực lượng nổ súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua gác ở đầu cầu Gành, nhà máy cưa BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa, nhà ga Biên Hòa.

Tiếng súng của các lực lượng kháng chiến trong nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa như đánh thức ngay lòng người dân đang bị địch kìm kẹp trong nội ô. Thực dân Pháp hoàn toàn bị bất ngờ. Chúng không thể tin rằng quân kháng chiến ở Biên Hòa lại có khả năng tập hợp, di chuyển nhanh chóng sau khi rút khỏi thị xã. Đồng chí Nguyễn Văn Quảng (Năm Phòng) chiến sĩ phân đội 4 nhớ lại khung cảnh trận đánh như sau: "Khắp bầu trời thị xã như sôi lên ùng ục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời. Lựu đạn đẽm theo tiếng nổ ùng ình như pháo đại. Những nơi ta định đến đều đến được, trừ một số hầm nhà cô thủ của bọn địch. Ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút về. Khói đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lại lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian được trói dẫn lêch thếch theo đoàn quân..."



Ảnh: Nhà máy cưa BIF, một trong những nơi diễn ra trận tập kích đầu tiên của lực lượng Cách mạng vào tỉnh lỵ Biên Hòa

Nguồn ảnh: Internet

Trận đánh vào tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2-1-1946 là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn. Đứng về mặt chiến lược, lời tuyên truyền là đã "bình định xong Nam kỳ" của thực dân Pháp hoàn toàn bị đập tan. Lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tuy mới thành lập, nhưng có đủ khả năng đánh hợp đồng khá xuất sắc. Và điểm quan trọng hơn là "Tiếng súng Biên Hòa" có sức cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu



gọi được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.

Cảm nhận của tác giả: Vào năm 1945, với luận điệu chính trị xảo ngôn, thực dân Pháp công bố “đánh nhanh, thắng nhanh và bình định nhanh Nam Bộ” và cuối 1945 là “đã bình định xong Nam Kỳ” nhằm mục đích công khai với báo chí quốc tế về việc đã Pháp đã chiếm được hoàn toàn miền Nam Việt Nam. Nhưng với trận tập kích đầu tiên vào cơ quan đầu não của chúng (thành Săng Đá) và một số cơ quan khác như sở hiến binh, bưu điện, nhà ga Biên Hòa vào dịp Tết Dương lịch 1946 đã khiến thực dân Pháp không kịp trở tay, là “cái tát” nhằm đập tan luận điệu chính trị xảo ngôn kia.

Theo tác giả, trận đánh đã mang đến bàn đạp quan trọng về tính chiến lược, luận điệu của thực dân Pháp bị đập tan. Sau trận đánh, ta đã khẳng định được khả năng đánh hợp đồng của lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông dù mới thành lập nhưng khả năng khá xuất sắc. Ngoài ra, trận đánh còn cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân trên toàn miền Nam.

2.2.3. Trận La Ngà (1-3-1948)

La Ngà là tên một dòng sông, một chi lưu của sông Đồng Nai, mà Pháp ghi tên trên bản đồ là Lagna, cũng là một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc và lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt từ cầu La Ngà lên Định Quán, ngày 1-3-1948, chi đội 10 Biên Hòa đã đánh trận giao thông La Ngà thắng lợi.

Chi đội 10 là lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa, thành lập vào tháng 6-1946. Đơn vị có 1.100 quân với 3 đại đội A,B,C hoạt động ở các huyện Tân Uyên, Châu Thành, Xuân Lộc và Long Thành.

Từ tháng 4-1947 đến tháng 7-1947, chi đội 10 đã tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường sắt Biên Hòa - Nha Trang thu nhiều thắng lợi như: Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh 1,2, Bàu Cá. Tháng 12-1947, chi đội đánh trận giao thông Đồng Xoài trên quốc lộ 14. Tháng 2-1948, chi đội đánh bại trận càn của thực dân



Pháp vào chiến khu Đ. Một loạt trận đánh vũ trang thắng lợi cho thấy đơn vị đã trưởng thành cả về chỉ huy, chiến đấu, có đủ khả năng thực hiện những trận đánh tập trung có quy mô lớn.

Đầu tháng 2-1948, Ban chỉ huy chi đội 10 nhận được tin quân báo (Bùi Trọng Nghĩa, trưởng chi quân báo chi đội) từ nội thành cho hay cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3, thực dân Pháp sẽ tổ chức một cuộc hội nghị quân chính ở Đà Lạt. Một đoàn công voa sẽ hộ tống các sĩ quan, công chức cao cấp của thực dân và ngụy quyền tay sai từ Sài Gòn đi dự hội nghị Đà Lạt.

Cân nhắc khá kỹ các điều kiện cần thiết, Ban chỉ huy chi đội quyết định tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 để đánh đoàn công voa này. Tháng 2-1948, Huỳnh Văn Nghệ, chi đội trưởng chi đội 10 được đề bạt khu bộ phó khu 7. Toàn bộ kế hoạch tổ chức, chỉ huy trận đánh do Nguyễn Văn Lung, chi đội phó đảm trách.

Tổ chức một trận đánh tập trung toàn chi đội (tương đương một trung đoàn), trận địa cách căn cứ 80 km đường rừng đặt ra cho Ban chỉ huy nhiều vấn đề:

+ Làm thế nào giải quyết được lương thực cho trên 1000 quân đủ ăn từ 7 đến 10 ngày?

+ Làm thế nào điều được đoàn xe đi theo đúng kế hoạch thời gian của Ban chỉ huy đề ra, để hạn chế sự phản kích bằng máy bay của địch.

+ Làm thế nào đảm bảo bí mật trận đánh, đánh nhanh giải quyết nhanh chiến trường?



Ảnh: Tác giả tham quan sa đồ trận đánh La Ngà tại Bảo tàng tỉnh Đồng Nai

Nguồn ảnh: Tác giả



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Vấn đề lương thực chỉ được giải quyết bằng cách dựa vào nhân dân. Ban chỉ huy đã cử một phân đội trinh sát đặc biệt lên Định Quán kết hợp chặt chẽ với Huyện đội, Mặt trận Việt Minh Xuân Lộc đi vận động công nhân ở từng sở cao su, tổ chức kho dự trữ lương thực, thực phẩm cho bộ đội.

Tuy đời sống rất khó khăn, nhưng công nhân đã bớt khẩu phần ăn, đóng góp lương thực, đồng bào dân tộc Châu ro, Stiêng cũng tích cực ủng hộ lương thực cho chi đội. Gần một tháng, chi đội đã lập được các kho lương thực đủ theo kế hoạch đề ra. Ban trinh sát chi đội 10 liên tục bám quốc lộ 20 theo dõi các đoàn công voa địch đi về Biên Hòa, Đà Lạt, nắm chắc quy luật tổ chức đội hình các đoàn xe, tốc độ, thời gian cũng như khoảng cách từng xe một.

Từ quy luật này, Ban chỉ huy quyết định tổ chức trận địa dài 9 km trên quốc lộ 20 chia làm 3 trận địa A, B, C, đảm bảo chặn đầu, khóa đuôi cả đoàn xe. Trận địa giả được bố trí cách 3 km ở phía đông quốc lộ 20 với những đồng lửa lớn để thu hút lực lượng địch lên tiếp viện bằng không quân. Quốc lộ 20 đoạn từ cây số 104 đến 113 rất khúc khuỷu, trời chiều có sương mù, nếu đánh ban trưa không có lợi bằng đánh vào buổi chiều vì sương mù sẽ hạn chế tầm quan sát của máy bay. Ban chỉ huy đã giao nhiệm vụ cho Huyện đội Châu Thành, Xuân Lộc, bố trí bộ đội, du kích huyện bắn tỉa địch từ ngã ba Dầu Giây, cách trận địa gần 50 km, đón ngã cây hai bên đường, đào đường; đắp chướng ngại vật để kéo dài thời gian hành quân của địch. Kế hoạch hành quân và tác chiến phải tuyệt đối bí mật, chỉ phổ biến đến cán bộ chỉ huy cấp đại đội.

Nhờ thu được nhiều máy vô tuyến của Pháp trong trận chống càn ở chiến khu Đ vào tháng 2 -1948, Ban chỉ huy chi đội có điều kiện liên lạc bằng điện đàm thông suốt trên cả ba mặt trận kéo dài 9 km.

Đêm 26 - 2- 1948, chi đội 10 cùng liên quân 17 của quân khu 7 hành quân từ chiến khu Đ lên quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28 - 2, lực lượng đến điểm tập kết và bố trí trên ba trận địa. Sở chỉ huy trận đánh đặt trên đồi 100 ở km 107. Bộ phận hậu cần phục vụ y tế, ăn uống ở tả



ngạn sông Đồng Nai cách 6 km. Đồng chí Bùi Cát Vũ, giám đốc binh công xưởng và các chiến sĩ quân giới chi đội đã có sáng kiến chôn địa lôi trên đường nhựa, dùng phân voi nghi trang bên trên. Quốc lộ 20 khúc khuỷu, hai bên là rừng, voi thường qua lại, phân voi rừng rất quen mắt với các đoàn công voa, địch ít chú ý.

Sáng 1 – 3 - 1948, trên toàn tuyến trận địa, các chiến sĩ chi đội 10 Biên Hòa đã sẵn sàng chiến đấu trong trạng thái căng thẳng chờ đợi địch.

Cùng sáng ngày đó, đoàn công voa 70 chiếc của Pháp có xe thiết giáp đi đầu khởi hành từ Sài Gòn. Khi đến Hồ Nai, du kích quận Châu Thành bắt đầu hoạt động, bắn tia, quấy rối, ngã cây ra đường... Đoàn xe địch phải thường xuyên dừng lại để lính hộ tống dọn đường, rà mìn, bắn trả lại du kích. Tinh thần địch hết sức căng thẳng, mỗi mét. Quá 12 giờ, đoàn xe địch mới đến được ngã ba Dầu Giây rẽ vào quốc lộ 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới đến La Ngà. Trung úy Jeffrey, chỉ huy đại đội bảo vệ đoàn xe liên lạc với bót La Ngà. Tên sếp bót cho hay tình hình không có gì lạ. Jeffrey lại gọi điện cho đại tá Talès chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai thượng đề nghị cho nghỉ lại hoặc cho thêm quân hộ tống. Talès trả lời dứt khoát: Đây là khu vực đã bình định, đoàn xe cứ đi, vừa đi vừa bắn mạnh vào hai bên đường. Cả đoàn xe lại lăn bánh vào trận địa trong tiếng súng nổ liên tục hai bên đường. Chiến sĩ chi đội 10 vẫn im lặng, kiên nhẫn chờ đợi.

15 giờ 02 phút, chiếc thiết giáp đi đầu bị trúng mìn ở trận địa A, tung bồng lên khỏi mặt đất, lao thêm hơn 10 mét rồi bốc cháy, nằm bẹp dí trên đường. Đoàn xe địch phía sau vẫn tiến vào trận địa.

15 giờ 17 phút, mìn ở trận địa C lại nổ khóa đuôi đoàn xe địch. Cả đoàn công voa bị cắt làm ba khúc. Chi đội 10 và liên quân 17 từ các điểm cao dọc lộ xung phong mãnh liệt. Đại liên, trung liên, lựu đạn... của bộ đội làm cháy cả chục xe địch ngay phút đầu. Một số xe còn lại phía sau hốt hoảng quay đầu rút chạy về hướng cầu La Ngà.

Đoàn công voa của giặc như con rồng uốn khúc trên quốc lộ 20, vật vã lồm lộn, oằn oại, bốc cháy ngả nghiêng. Xác quân Pháp ngổn ngang trên xe, dưới đường.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Trận đánh diễn ra quyết liệt và nhanh chóng trong vòng 55 phút. 150 lính lê dương bỏ mạng, 25 sĩ quan Pháp bị chết, trong đó có đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13 của Pháp, đại tá Patrius phó tham mưu trưởng quân Pháp ở Nam Đông Dương. Trận đánh đã kết thúc mà trên đoạn đường dài 9 km vẫn còn khói lửa ngút trời, tiếng nổ của đạn, bánh xe thỉnh thoảng lại vang lên giữa núi rừng.

50 hành khách gồm người lớn tuổi, trẻ em sau khi được giải thích đường lối kháng chiến của cách mạng, được phóng thích ngay buổi chiều để về Sài Gòn. Hơn 200 hành khách còn lại và binh lính Pháp bị thương được bộ đội đưa vào khu rừng Suối Cát, cách lộ 20 trên 5 km về phía tây.

Nhờ có lương thực dự trữ, các hành khách gồm cả Pháp, Việt, Ấn, Hoa đều được phát cơm nắm, cá khô nướng, người bị thương đều được chăm sóc. Trước thái độ hiền ngang, ân cần, chu đáo của bộ đội, hàng trăm hành khách từ trạng thái lo sợ đã từng bước thân thiện, cảm phục quân kháng chiến "gian khổ mà hiền ngang".

Giáo sư sử học người Pháp tên Hoa Rô (có con trai là trung úy Hoa Rô trưởng phòng nhì chi khu Xuân Lộc) sau một ngày ở "bung biển" cùng bộ đội đã bộc lộ suy nghĩ: "Những điều tai nghe, mắt thấy đưa chúng tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, hoàn toàn trái ngược với những điều chúng tôi biết được trước đây qua tuyên truyền chính thức của chính phủ Pháp. Là giáo sư sử học, tôi hiểu chính nghĩa thuộc về các bạn, các bạn nhất định thắng. Tự thâm tâm chúc các bạn sớm thành công".

Trung úy Pháp Jeffrey bị thương gãy chân đã được săn sóc, đưa về chiến khu Đ điều trị cho đến khi lành vết thương và sau này được trao trả tại bót Cây Đào ở Vĩnh Cửu.

Sáng ngày 2-3-1948, tất cả các hành khách sau một đêm sống trong vùng kháng chiến được bộ đội đưa ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn.

Chiến thắng La Ngà không chỉ thu thắng lợi lớn về quân sự, mà thực tế lời kể của hàng trăm hành khách khi trở về Sài Gòn đã làm các tầng lớp trung lưu, tư sản ở Sài Gòn hiểu được chính nghĩa cách mạng.



Từ vùng tạm chiếm ngày càng có nhiều người thoát ly ra khu kháng chiến, giúp đỡ, ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến. La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất ở miền Đông bấy giờ; trận đánh đồng thời thể hiện được chính nghĩa và chủ nghĩa nhân đạo của cách mạng Việt Nam.

Cảm nhận của tác giả: Qua trận đánh, có thể thấy nhân dân là một phần không thể thiếu trong kháng chiến. Nhờ có nhân dân, trận đánh mới có thể thực hiện và giành chiến thắng. Xin cảm ơn những người công nhân công ty cao su đã trích ra khẩu phần ăn của mình để dành cho bộ đội, cảm ơn những người mẹ dân tộc, những người già làng của đồng bào Chơ ro, Stiêng đã hiểu về cuộc chiến mà nuôi và bảo vệ bộ đội. Không ai khác, nhờ họ, nhờ lực lượng hậu phương vững chắc mà tiền tuyến mới yên tâm chiến đấu và giành được thắng lợi vẻ vang trong trận chiến La Ngà nói riêng và toàn bộ những trận chiến nói chung.

Năm 2018, chúng ta kỷ niệm 70 năm chiến thắng La Ngà, 70 năm trôi qua nhưng những chiến công từ trận đánh vẫn còn vang vọng mãi. Chiến thắng La Ngà chính là thắng lợi lớn về quân sự và cả truyền thông, góp phần không nhỏ vào thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam.

2.2.4. Biên Hòa nơi sản sinh cách đánh đặc công

Bị thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947-1948, thực dân buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định Nam bộ, "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt".

Trên chiến trường miền Đông và Biên Hòa, tướng De Latour đã cho thực hiện chiến thuật "điểm và đường". Địch cho xây dựng một hệ thống đồn bót, tháp canh dọc các quốc lộ 1, 15, 20, tỉnh lộ 24, 16, nhằm bảo vệ giao thông của chúng, cắt đứt giao thông vận chuyển của kháng chiến. Tháp canh của Pháp gồm hai loại: tháp canh con (tháp nhỏ) cao từ 6 đến 8 mét do 1 bán đội canh giữ; tháp canh lớn (tháp mẹ - tour de la mère) cao từ 10 đến 12 mét do 1 tiểu đội canh giữ. Các tháp



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

canh được xây bằng t ường hoặc đá, độ dày từ 0,6-0,8 mét, chia làm ba tầng, tầng trên cùng có nhiều lỗ châu mai. Các tháp canh cách nhau khoảng 300 mét tùy theo địa hình, có cái chỉ cách nhau 100, 150 mét để có thể bắn hỗ trợ lẫn nhau khi bị tấn công. Địa hình xung quanh các tháp canh đều được địch phát trồng, ban đêm có đèn soi, do đó việc đến gần tháp canh rất khó. Với độ cao của tháp canh, địch có lợi thế quan sát xa. Tường tháp canh lại dày, lực lượng vũ trang của ta chưa có vũ khí để công phá tường tháp. Địch cho tháp canh là rất an toàn. Dựa vào ưu thế này, thực dân Pháp còn dùng tháp canh như một phương tiện để mở rộng lấn chiếm vùng căn cứ, du kích, lấn chiếm đến đâu địch cho xây tháp canh đến đó. Chiến thuật tháp canh của Pháp còn được gọi là chiến thuật "tằm ăn lá dâu", "vết dầu loang" hay "chiến thuật De Latour".



Ảnh: Hình ảnh tháp canh (Ảnh cắt từ phim tài liệu “Phá tan chiến thuật Đờ-Latua – Chiến công gắn với Anh hùng Trần Công An” do đài PT-TH Đồng Nai thực hiện)
Nguồn ảnh: Phim tư liệu

Dầu Một, Bà Rịa... đều tổ chức nghiên cứu đánh tháp canh. Có nơi dùng vũ trang kết hợp binh vận; có nơi dùng hỏa công bằng cách dùng bụi nhùi cột vào đuôi trâu đốt cháy rồi lừa vào tháp canh; có nơi đào hào cho nước vào đồn..., nhưng tất cả đều không thành công. Đánh hạ tháp canh trở thành bài toán khó.

Tính đến tháng 6-1949, ở miền Đông (cả Sài Gòn, Chợ Lớn, khu 8), địch đã xây dựng được 200 tháp canh. Hệ thống tháp canh của Pháp gây cho ta nhiều khó khăn; việc di chuyển qua lại trên đường của ta bị địch khống chế.

Trên chiến trường miền Đông, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh khu 7, nhiều tỉnh như Thủ



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Trong lúc đó, đội du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy, dựa vào cơ sở nhân dân đã điều nghiên khá kỹ tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ số 16 và nhận thấy:

* Muốn đánh được tháp canh phải lọt vào tiếp cận tháp canh, bằng cách lợi dụng sơ hở của địch khi đổi gác, đốt thuốc...

* Phải hóa trang cho tiếp với màu đất xung quanh tháp, mắt không hướng lên khi địch soi đèn.

* Sử dụng thang để lên tháp canh ném lựu đạn vào lỗ châu mai.

Ông chọn một cây độc mộc trong căn cứ, cho vài du kích leo lên cây soi đèn xuống các hướng, bên dưới du kích tập bò vào, rút kinh nghiệm làm lại nhiều lần đến khi người ngồi trên cây không phát hiện được người phía dưới khi đã vào sát tường.

Đêm 18 rạng 19-3-1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu đạn (1 của Mỹ, 7 tự tạo) và một chiếc thang cây (dùng để hái trà, mượn của nhân dân). Cả ba du kích ở trên, dùng bùn non bôi lên người. Các anh vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường (hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động).



Ảnh: Hình ảnh mô phỏng 3 chiến sĩ đặc công đang tiến đánh tháp canh (Ảnh cắt từ phim tài liệu “Phá tan chiến thuật Đờ-Latua – Chiến công gắn với Anh hùng Trần Công An” do đài PT-TH Đồng Nai thực hiện)
Nguồn ảnh: Phim tư liệu

Cả ba anh đều leo lên thang, dùng lựu đạn đánh vào cả ba tầng tháp canh. Toàn bộ 11 tên lính trong tháp đều bị chết, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.

Tháng 11-1949, Bộ Tư lệnh khu 7 mở hội nghị quân sự toàn khu tại Tân Hòa để bàn về chuyên đề đánh tháp canh. Từ kinh nghiệm trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, hội nghị đã rút ra nhiều kinh nghiệm quý để từng bước hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu, tiếp cận mục tiêu, hóa trang và vượt các chướng ngại... Đồng thời Bộ tư lệnh chỉ đạo cho binh công xưởng nghiên cứu, chế tạo thành công mìn FT có khả năng phá được tường tháp canh. Công tác huấn luyện cách đánh tháp canh được tiến hành tại chiến khu Đ với du kích Tân Uyên làm chiến sĩ mẫu.

Đêm 22-3-1950, ba trăm chiến sĩ, du kích chia làm 50 tổ đánh cùng lúc 50 tháp canh trên các quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24... Các tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ to từ 0,8 mét đến 1,5 mét.

Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh khu 7 tiếp tục rút kinh nghiệm, chỉ đạo cải tiến vũ khí bằng cách đánh bồi thêm một quả mìn bê-ta khi tường tháp bị đánh thủng.

Đêm 19 - 4 - 1950, tổ đánh tháp canh của Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với FT và bê-ta, đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Sau đó, tháng 5 - 1950, tổ lại đánh sập tháp canh Vàm Giá (quốc lộ 14). Với trận Vàm Giá, kỹ thuật đánh tháp canh đã hoàn thiện.

Hội nghị quân sự khu 7 năm 1950 đã kết luận cách đánh tháp canh bằng cách tiếp cận mục tiêu, dùng mìn FT+bê-ta là cách đánh đặc công. Ngày 25-5-1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được thành lập, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Kỹ thuật đặc công từ Biên Hòa được phổ biến ra khắp miền Đông, góp phần đánh bại chiến thuật Đờ La-tua của Pháp. Từ 1952, cách đánh đặc công được phổ biến về miền Tây Nam bộ.... Nhiều trận đánh đặc công đã đạt hiệu suất cao, nhất



là đánh vào kho tàng, cơ quan đầu não của địch như đánh kho Phú Thọ, sân bay Gia Lâm, Cát Bi, đánh đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ...

Như vậy từ Biên Hòa, cách đánh đặc công đã ra đời, đó là kết quả của phong trào du kích phát triển cao với tinh thần sáng tạo trong chiến đấu và chế tạo vũ khí thích hợp. Biên Hòa cũng là nơi xây dựng đơn vị đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Ngày 19-3-1948 sau này được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng Đặc công.

Cảm nhận của tác giả:

Cách đánh đặc công là một cách đánh mới trong chiến tranh Việt Nam đã làm tiêu hao sinh lực địch, góp phần vào thắng lợi trong suốt các trận chiến từ năm 1948, nhưng không thể ngờ, cách đánh ấy bắt nguồn từ tỉnh Biên Hòa xưa.



Ảnh: Tác giả tham quan Khu vực trưng bày về Chiến thắng Cầu Bà Kiên tại Bảo tàng Tỉnh

Nguồn ảnh: Tác giả

Từ trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên đêm 18 rạng sáng 19 tháng 3 năm 1948 đã mở ra một cách đánh địch mới trong khi địch ở vị trí cố thủ vững chắc. Từ chiến trường Biên Hòa, Nam Bộ, lực lượng đặc công phát triển rộng khắp cả nước với sự nâng cao về tổ chức, chiến lược, nguồn nhân lực, vật lực... Trong kháng chiến, đã hình thành 3 loại lực lượng đặc công: Đặc công Bộ, Đặc công Nước và Đặc công Biệt Động... Với 3 lực lượng đặc công, tùy theo thế trận mà người chỉ huy sẽ quyết định dùng lực lượng nào cho phù hợp.

Từ trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên đêm 18 rạng sáng 19 tháng 3 năm 1948 đã mở ra một cách đánh địch mới trong khi địch ở vị trí cố thủ vững chắc. Từ chiến trường Biên Hòa, Nam Bộ, lực lượng đặc công phát triển rộng khắp cả nước với sự nâng cao về tổ chức, chiến lược, nguồn nhân lực, vật lực... Trong kháng chiến, đã hình thành 3 loại lực lượng đặc công: Đặc công Bộ, Đặc công Nước và Đặc công Biệt Động... Với 3 lực lượng đặc công, tùy theo thế trận mà người chỉ huy sẽ quyết định dùng lực lượng nào cho phù hợp.

Đối với tác giả, thật tự hào khi là người con sinh ra và lớn lên tại vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Theo bài viết, đây chính là những bằng chứng cho thấy vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai chính là vùng đất địa linh nhân kiệt. Vùng đất này không chỉ có những con người anh dũng hy sinh xương máu cho Cách mạng, không chỉ có những người dân cần lao một lòng cùng bộ đội đứng lên...



mà còn có những cha ông tài trí trong suy nghĩ, linh hoạt trong chiến lược để có thể sáng tạo cách đánh hay, độc đáo mà đến quân đội Pháp, Mỹ còn phải cuối đầu xin thua.

2.2.5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất

Suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, câu "Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất", là lời đánh giá của kẻ thù với một vùng căn cứ cách mạng ở Biên Hòa, thể hiện rõ vai trò, vị trí và sự lợi hại của căn cứ này với toàn bộ cuộc kháng chiến ở miền Đông và Nam bộ.

Khởi phát của căn cứ địa cách mạng chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Nơi đây từ năm 1940, đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích do ông Nguyễn Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy rút vào khu vực rừng Tân Uyên, bảo toàn được lực lượng cho đến khi Cách mạng tháng tám thành công.

Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (25-10-1945), một bộ phận của Ủy ban kháng chiến miền Đông do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy về Tân Tịch, kết hợp cùng đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa và trại du kích Vĩnh Cửu, hình thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 12 - 1945, chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm tư lệnh về đóng tại Lạc An. Tháng 2 - 1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là chiến khu Đ (theo thứ tự vùng căn cứ A, B, C, Đ) trung tâm là xã Lạc An. Từ tháng 3-1946, Bộ tư lệnh khu 7 dời về Đông Thành, chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp sông Bé, tây giáp tỉnh lộ 16.

Chiến khu Đ là nơi đóng cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên; các cơ quan Dân, Chính, Đảng của tỉnh, của huyện Tân Uyên; chi đội 10, trung đoàn 310, liên trung đoàn 301- 310 cùng các cơ



quan binh công xưởng, quân nhu với một hệ thống sản xuất gồm các nông trường ở Lạc An, vàm Sông Bé, Giáp Lạc...

Rừng bao la, dày đặc, nhiều tuổi với đủ loại cây, trái rừng, củ rừng (củ từ, củ nân, củ mài...), xen kẽ những trắng trống và đủ loại thú rừng từ voi, hổ, báo, bò rừng đến nai, hươu, khỉ, các giống chim, thú bò sát; những bầu Cá, bầu Phụng, bầu Sinh... Đó là những quà tặng của thiên nhiên với vùng căn cứ, đảm



Ảnh: Hình ảnh một phần Di tích Căn cứ Khu Ủy Miền Đông (Chiến khu Đ) ngày nay
Nguồn ảnh: Internet

bảo được một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm lúc khó khăn. Rừng chiến khu Đ trải dài từ bắc Biên Hòa nối liền rừng Tây Nguyên, tạo thành một hành lang nối liền miền Đông Nam bộ với Liên khu 5 và ra hậu phương lớn. Chiến khu Đ lại chỉ cách Biên Hòa - trung tâm chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông, Sài Gòn thủ phủ nguy quyền Sài Gòn không xa. Bằng đường giao liên bí mật, công khai, các lực lượng kháng chiến xâm nhập vào các thị xã, thị trấn, vùng tạm chiếm, tiến công các cơ quan đầu não, kho tàng của thực dân.

Từ chiến khu Tân Uyên, đêm 1 - 1 - 1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tổ chức tiến công đầu tiên vào các công sở, nơi đóng quân của thực dân Pháp trong tỉnh lỵ Biên Hòa. Đòn tiến công bất ngờ này gây tiếng vang lớn ở Nam bộ.

Cuộc kháng chiến nơi chiến khu Đ đã làm nên những nhân vật sống mãi với lịch sử: Huỳnh Văn Nghệ, nhà thơ - chiến sĩ; Nguyễn Văn Quý - người giữ rừng



miền Đông suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp và suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ đến năm 1968.



Ảnh: Hình ảnh Sơ đồ Di tích Căn cứ Khu Ủy Miền Đông – Chiến khu Đ (1962 – 1967)
Nguồn ảnh: Internet

thông chiến nổi tiếng La Ngà

Chiến khu Đ là nơi sản sinh ra cách đánh đặc công, lực lượng đặc công và phổ biến kỹ thuật tác chiến mới ra cả nước, cơ sở để hình thành binh chủng đặc công sau này.

Trong kháng chiến 9 năm, Biên Hòa ở phía đông Sài Gòn, là nơi đóng các cơ quan đầu não của địch ở miền Đông, chiến khu Đ tồn tại là mối đe dọa lớn cho thực dân Pháp ở Biên Hòa và Sài Gòn. Kẻ thù khiếp sợ chiến khu Đ chính là vì thế trận "thiên la địa võng" của căn cứ. Làng kháng chiến đã hình thành khắp nơi trong căn cứ với hàng trăm loại chạm bẫy: chông tre, chông đinh, lựu đạn gài, mìn gài, đá lồi...để đánh bại bao cuộc hành quân càn quét lớn của địch vào căn cứ. Kẻ thù lần chiếm, phong tỏa, bao vây, đánh phá chiến khu bằng bom đạn, triệt phá kinh tế, biệt kích gián điệp... hòng tiêu diệt cơ quan đầu não, dự trữ kinh tế kháng chiến nhưng đều bị thất bại, lại hao binh tổn tướng. Trận càn tháng 2-1948 với 2000 quân của Pháp có hải quân, pháo binh, máy bay yểm trợ đã bị thất bại ê chề. Phương tiện chiến

Từ căn cứ địa chiến khu Đ, chi đội 10 Biên Hòa đã mở hàng loạt trận đánh giao thông đường bộ, đường sắt ngoài căn cứ phối hợp nhịp nhàng với chiến trường chung đánh bại cuộc hành quân của thực dân Pháp đánh vào chiến khu Việt Bắc thu đông 1947. Đó là các trận Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá...; trận Đồng Xoài, nhất là trận giao



lợi phẩm ta tịch thu của Pháp trong trận này lại góp phần tăng thêm sức mạnh để bộ đội Biên Hòa làm nên chiến thắng La Ngà.

Chiến khu Đ trải qua không ít khó khăn, nhất là bão lụt tháng 10 năm Nhâm Thìn 1952. Địch càn quét liên tục 52 ngày đêm vào căn cứ; lực lượng ta chặn đánh gây cho địch thương vong nặng phải rút lui. Ta tuy có khó khăn trong cơn bão lụt nhưng bộ đội đã chủ động tấn công bức rút đồn Rạch Đông, phá sập hệ thống tháp canh của địch ven căn cứ từ Rạch Đông đến Cây Đào.

Địch có thể phá hoại một vài cơ sở sản xuất lương thực, hậu cần trong căn cứ nhưng không thể làm chùn bước lực lượng kháng chiến. Đặc biệt chiến khu Đ lại là nơi thể hiện cao tinh thần và ý chí bám trụ chiến đấu kiên cường của bộ đội Cụ Hồ.

Chiến khu Đ là hình ảnh một xã hội mới trong kháng chiến 9 năm. Nơi đây, dân quân đoàn kết một lòng chống giặc. Các phong trào văn hóa như nếp sống mới, xóa mù chữ, bỏ tục văn hóa, lao động sản xuất thu hút nhân dân từ các vùng. Cuộc sống mới ở căn cứ đã biến chiến khu Đ thành biểu tượng của lòng tin vào cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Kết hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (đông xuân 1953-1954), từ chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương, du kích mở đợt tấn công địch, bao vây, bức rút các đồn bót địch ở Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), các đồn bót ven chiến khu như: Phước Hòa, Tân Định, Đại An, Rạch Đông, vây lấn địch mở rộng chiến khu Đ ra giáp sông Đồng Nai, đường 16 lên giáp sông Bé.

Tại Nhà Nai tháng 8-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc mít tinh lớn mừng thắng lợi cuộc kháng chiến. Các lực lượng vũ trang chia tay nhân dân để lên đường tập kết ra miền Bắc, hẹn hai năm sau gặp lại Chiến khu Đ đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp. Rừng chiến khu Đ còn đó để chuẩn bị vào cuộc đấu tranh mới.



Cảm nhận của tác giả: Từ khi còn là học sinh Trung học cơ sở, được học lịch sử địa phương, người viết đã được giáo viên giảng dạy về chiến khu Đ và biết rằng đây là một chiến khu mang tầm vóc lớn, bao gồm hầu như toàn bộ khu vực miền Đông Nam bộ, chiến khu hình thành, tồn tại và chiến đấu đã góp chính vào thắng lợi chung trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của dân tộc Việt Nam.

Trong chiến tranh, các chiến khu được đặt tên theo những ký tự đầu của bảng chữ cái: Chiến khu A (Giáp Lạc), B (Thường Lang), C (Ông Đội) và Đ là Tổng hành dinh khu 7 đóng ở Ngã Hoang. Nhưng đối với chiến khu Đ, nhiều người cho rằng ký tự “Đ” mang nhiều ý nghĩa: “Đ” là “Đỏ” – tức hàm ý là vùng chiến khu cách mạng kiên cường, tập trung những cơ quan đầu não quan trọng, là “địa chỉ Đỏ” của cả nước; “Đ” là viết tắt của địa danh “Đất Cuốc” – nơi thi tướng Huỳnh Văn Nghệ khởi sự đầu tiên, “Đ” còn là viết tắt của chiến khu Đồng Nai, miền Đông, Đầu tiên...

Có thể nói, với tất cả cách giải thích, đều quy về ý nghĩa: đây là vùng chiến khu rộng lớn, có vị trí quan trọng trong chiến lược tiến công quân thù của quân dân miền Đông nói chung và vùng đất Biên Hòa nói riêng.

TIỂU KẾT: Thật tự hào khi vùng đất Biên Hòa là cái nôi khởi phát trường huấn luyện quân sự tại miền Nam, của cách đánh công oai dũng, của chiến khu Đ,... thật tự hào khi người Biên Hòa chính là người sáng tạo nên cách đánh hay, tướng lĩnh Biên Hòa là những vị chỉ huy giỏi và tài năng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, những chiến công của quân dân Biên Hòa trong kháng chiến chống Pháp thật lớn và vĩ đại, những chiến công này chính là trí óc, là máu xương, là hy sinh của bao bậc cha ông đi trước. Nhìn về quá khứ, soi chiếu đến hiện tại và tương lai, ta thấy được những chiến công của cha ông đi trước thật sự vĩ đại, những thắng lợi không chỉ có giá trị trong thời chiến mà còn có giá trị nhận thức và giáo dục trong thời bình.



2.3. NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)

2.3.1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp

Cuộc kháng chiến chống Mỹ giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã kết thúc hơn hai thập kỷ qua. Trong cuộc chiến đấu này, kẻ thù Mỹ ngụy đã dùng mọi thủ đoạn dã man để đánh phá phong trào, sát hại những người con yêu nước ở miền Nam. Nhưng dù trong những hoàn cảnh đen tối nào, quân dân miền Nam vẫn giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, giữ vững ý chí cách mạng và giữ trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng tiền phong.

Trong huyền thoại những năm tháng đánh Mỹ ấy, cuộc nổi dậy phá ngục của các chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước ở nhà tù Tân Hiệp Biên Hòa là một minh chứng hùng hồn về ý chí gang thép hành động dũng cảm quật cường, quyết chiến đấu và hy sinh vì độc lập và tự do của Tổ quốc..

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết (tháng 7-1954), đế quốc Mỹ đã công khai phá hoại. Chúng thiết lập ngay bộ máy cai trị, lập chính phủ bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng của chúng ở Đông Nam Á. Với sự chỉ đạo của quan thầy, ngụy quyền Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch "tổ cộng, diệt cộng", mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đưa về



Ảnh: Hình ảnh Dãy xà lim Nhà lao Tân Hiệp
Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai



giam giữ ở các nhà tù khắp miền Nam, trong đó có nhà tù Tân Hiệp, Biên Hòa.

Nhà tù Tân Hiệp được chúng gọi là "Trung tâm huấn chính" Biên Hòa có diện tích 3600 mét vuông nằm cạnh quốc lộ I (đối diện với bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, thuộc phường Tân Tiến), cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2 km về phía đông. Đây là một trong 6 nhà tù lớn của địch ở miền Nam lúc bấy giờ. Đến thời điểm tháng 12-1956, số lượng tù nhân bị địch giam giữ ở đây là 1872 người trong đó có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả; nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mại, Phạm Thị Lạng...

Đến tháng 11-1956, kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp cơ bản đã hình thành. Đảng ủy nhà tù do đồng chí Nguyễn Duy Đán (Nguyễn Trọng Tâm, nay là anh hùng lực lượng vũ trang) làm bí thư hạ quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. Công tác tiến hành được chuẩn bị tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khoẻ mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội nguyên là huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, Lê Minh Toàn chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn vượt ngục trở về căn cứ. Giờ G nổi dậy phá khám được Đảng ủy quyết định vào chiều ngày chủ nhật 02 -12 - 1956.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ áp sát các mục tiêu đã được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được bí mật hoàn toàn.

Trời vào mùa đông, thời tiết se lạnh. Mới 17 giờ 45 phút mà trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại. Số các tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc ngồi trước cửa tháp thỏ chờ giờ hành động.

17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vô trại, thì tiếng hô "xung phong" vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến



thắng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Nguyễn Văn Cội trực tiếp chỉ huy đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trói tên trưởng trạm gác thu toàn bộ vũ khí trong kho. Cùng lúc, một tổ khác xông vào nhà tên Tỉnh giám đốc trại giam, khống chế hấn và số lính lái xe, bảo vệ, sau đó tiến vào văn phòng trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an, cắt đứt đường dây điện thoại.

Khi lệnh được phát ra, anh em tù nhân từ các trại D, E, G ồ ạt chạy về phía cổng. Trước làn sóng người tuôn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn một phát, lập tức bị một đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Cả một không gian sôi động trong tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân rầm rập của hàng trăm người. Chỉ trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích hoàn toàn làm chủ tình hình.

Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính canh gác bị bất ngờ và vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn tính mạng nên chưa có hành động nào chống trả.

Theo chủ trương của Đảng ủy là không giết một tên lính nào nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của địch đối với những anh em còn ở lại hoặc không ra được. Từ đó, hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng và truy đuổi.



Ảnh: Tác giả tham quan mô hình Nhà lao Tân Hiệp tại Bảo tàng Tỉnh Đồng Nai
Nguồn ảnh: Tác giả

Theo kế hoạch, khi đã giải quyết xong các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng rút ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường quốc lộ I, dùng súng cướp được bắn áp chế các tháp canh xung quanh vòng rào để anh em tiếp tục chạy thoát. Song thực tế do có sự ứn tắc ở cổng chính, nên phương án trên không thực hiện được Mặt khác, trong hoàn cảnh phải giữ bí mật tuyệt đối, nên việc phổ



biên kế hoạch tác chiến gặp nhiều khó khăn, thiếu cụ thể, nên có trường hợp nhiều tổ xung kích cùng tiến công một mục tiêu. Tuy vậy tất cả các mục tiêu chính như: kho súng, nhà giám đốc, văn phòng trại giam... lực lượng ta đều vào được và không chế bọn địch ngay từ phút đầu.

Trước các làn đạn phản kích, bắn xối xả của địch, một số anh em ta chạy ra sau bị trúng đạn hy sinh (22 người) và bị thương khá nhiều, nằm trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối. Trong số đó có nhà báo, nhà thơ Dương Tử Giang.

Cuộc nổi dậy phá khám diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút, toàn bộ số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt ngay phút đầu, tên phó giám đốc trại giam phải luôn lách hốt hoảng chạy bộ đến Bộ tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4 (cách đó khoảng 1 km) để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy một giờ sau cuộc nổi dậy, địch mới báo động được các nơi trong thị xã. 19 giờ, bọn lính sư đoàn 4 dã chiến mới tới được trại giam cùng với bọn bảo an, hiên binh lo ổn định tình hình và nhận lệnh truy đuổi.

Trong bóng đêm dày đặc, quang cảnh trại giam sau cuộc nổi dậy trở nên xơ xác, đượm bầu không khí căng thẳng, ngột ngạt. Hơn 1000 tù nhân còn lại trong các trại trung tâm ở trong tâm trạng lo lắng. Các anh chị vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì biết rằng có thêm nhiều đảng viên, cán bộ trung kiên thoát được ra ngoài là nguồn lực bổ sung cho cách mạng đang trong thời kỳ khó khăn ác liệt. Lo là không biết rồi đây số phận những người còn lại sẽ như thế nào? Ngay từ bây giờ anh chị em phải chuẩn bị tư tưởng để tiếp tục đấu tranh với kẻ thù trong tình thế mới. Trước mắt là chịu đựng sự trả thù tàn bạo mà chắc chắn địch sẽ thực hiện. Bên ngoài trại giam, 22 thi thể đồng chí hy sinh và 6 người bị thương nặng nằm rải rác ngay trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối Đồng Tràm.

Sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí đã chia làm nhiều đoàn để tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng ở các địa phương trong toàn miền. Mặc dù địch tăng cường lực lượng truy đuổi bố ráp gắt gao, một số đồng chí đã anh dũng hy sinh hoặc kiệt sức trên đường chạy, nhưng nhờ sự đùm bọc che chở của nhân dân, sự chuẩn bị

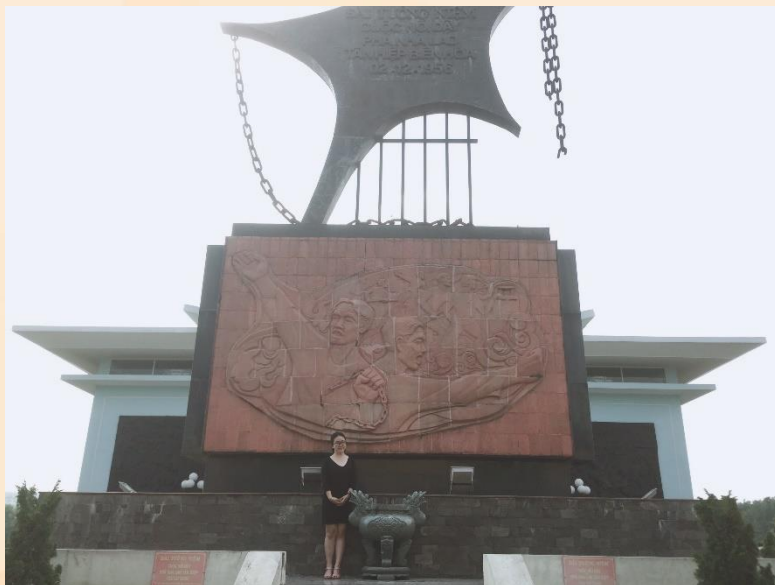


của tổ chức Đảng cơ sở bên ngoài, không một ai nản lòng thoái chí. 462 đồng chí thoát được, trong đó có hai nữ (Nguyễn Thị Lý và Vũ Thị Thọ) đã trở về được với Đảng, với dân.

Cảm nhận của tác giả: Thế giới ghi nhận rất ít cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng và cuộc nổi dậy phá khám nhà lao Tân Hiệp ngày 2-12-1956 là một trong số đó. Có thể thấy, qua cuộc nổi dậy phá khám, kỳ tích anh hùng được lập khi Chỉ với tay không, tù nhân chính trị đã dám đứng lên nổi dậy, cướp súng địch để trở về với Đảng, với dân.

Theo lịch sử kháng chiến thì cuộc nổi dậy phá khám nhà lao Tân Hiệp cũng là cuộc nổi dậy có quy mô nhất với gần 500 đảng viên cộng sản và đồng bào yêu nước đã thoát khỏi trại giam trong gần 1 giờ nổi dậy. 500 người đã phá khám thành công chính là nguồn bổ sung to lớn và quý báu đối với lực lượng cách mạng miền Nam nói chung và các tỉnh miền Đông Nam bộ nói riêng.

Thật khâm phục và tự hào những chiến công hiển hách của cha ông vùng



đất Biên Hòa xưa, nể phục hơn nữa ở tinh thần ngoan cường, sự bền gan, bền chí trong quyết tâm chiến thắng kẻ thù của cha ông. Những chiến công tác giả vừa tìm hiểu chính là bài học thiết thực, là tấm gương sáng để chúng tôi – những thế hệ trẻ mãi noi theo và giữ gìn.

Ảnh: Tác giả tham quan
Di tích lịch sử cấp Quốc gia Nhà lao Tân Hiệp
Nguồn ảnh: Tác giả

2.3.2. Trận đầu diệt Mỹ

Ít có đất nước nào mà lịch sử dân tộc lại gắn liền với lịch sử anh dũng chống ngoại xâm như đất nước Việt Nam. Ở đây, mỗi tên đất, tên làng đều trở thành những



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

địa danh gắn liền với nhiều chiến công chói lọi. Từ buổi các vua Hùng dựng nước cho đến khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, dân tộc Việt Nam đã viết nên bao trang sử hào hùng. Thế kỷ XX khép lại bằng cuộc chiến thắng oanh liệt của dân tộc Việt Nam, một cuộc chiến đấu và chiến thắng kỳ diệu, góp phần đập tan chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ. Trong cuộc chiến đấu đó, trên mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai cũng đã làm nên nhiều chiến công xuất sắc, mà trận mở màn thắng Mỹ là trận đánh vào phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) tại văn phòng ở nhà máy của BIF ngày 07 – 07 - 1959.

Nhà máy của BIF (Bien Hoa Industrielle de Forestier - Biên Hòa kỹ nghệ rừng) là một trong những cơ sở công nghiệp đầu tiên ở Biên Hòa và miền Đông Nam bộ được Pháp xây dựng từ năm 1907 tại thôn Tân Mai, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa. Đây là nhà máy có phong trào công nhân phát triển mạnh và nơi sớm hình thành tổ chức Công hội đỏ và chi bộ Đảng Cộng sản vào những năm 30 thế kỷ 20. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhà máy có hàng trăm công nhân thoát ly đi kháng chiến, số công nhân ở lại đều tham gia tích cực ủng hộ kháng chiến. Trong chín năm thực dân Pháp lấy nhà máy làm bộ chỉ huy trung đoàn bộ binh thuộc địa số 22 (22è RIC), đồng thời là sở chỉ huy tiểu khu Biên Hòa, trụ sở phòng nhì Pháp để tìm kẹp đánh phá phong trào kháng chiến ở Biên Hòa và các tỉnh miền Đông.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngày 1 – 7 - 1958 dưới sức ép của chính quyền Ngô Đình Diệm, chủ nhà máy phải bán cơ sở này cho Trần Lệ Xuân lập ra "công quản khai thác nhà máy của BIF". Sau đó văn phòng nhà máy trở thành cư xá của chuyên gia cố vấn quân sự Mỹ trong phái đoàn



Ảnh: Di tích Lịch sử “Nhà Xanh” ngày nay
Nguồn ảnh: Internet



MAAG (Mission Army American Group), làm nhiệm vụ cố vấn, huấn luyện cho sư đoàn 7 ở Biên Hòa.

Đánh Mỹ, diệt cố vấn Mỹ, ý định táo bạo đó bắt đầu hình thành trong suy nghĩ của một số cán bộ lãnh đạo Liên Tỉnh ủy miền Đông từ những tháng đầu năm 1959.

Tháng 2-1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250, nguyên là Thị ủy viên thị xã Biên Hòa cùng một số chiến sĩ trong đơn vị được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử vào thị xã Biên Hòa để nắm tình hình đoàn cố vấn quân sự Mỹ. Sau khi bắt liên lạc và trao đổi nhiệm vụ với đồng chí Trương Văn Lễ bí thư Thị ủy Biên Hòa, các đồng chí thống nhất chọn mục tiêu tiến công là đoàn cố vấn Mỹ ở BIF.

Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiên Quốc) trưởng ban quân sự miền Đông viết thư và giao nhiệm vụ cho đồng chí Năm Hoa phối hợp với Thị ủy Biên Hòa, đồng thời phân công đồng chí Lâm Quốc Đăng, phó ban quân sự miền Đông trực tiếp chuẩn bị, tổ chức trận đánh.

Công tác chuẩn bị được tiến hành hết sức khẩn trương và tuyệt đối bí mật cả bên trong thị xã và bên ngoài căn cứ.

Cuối tháng 6-1959, Liên Tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án trận tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa. Ngày giờ được ấn định vào 19 giờ ngày 7-7-1959.

Chiều tối ngày 5 – 7 - 1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hưng, Huệ, Bé, Phú, Sắc do Nguyễn Văn Hoa chỉ huy nhận lệnh xuất phát. Ngay đêm hôm đó, đơn vị đã về đến gò Cây Trâm Muối, rừng Tân Phong - khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa.

Tại đây, các đảng viên mật của chi bộ sở cao su Bàu Hang đã lo sẵn địa điểm trú quân, chuẩn bị cơm nước phục vụ cho đơn vị.

Ngày 6 – 7 - 1959, đồng chí bí thư Thị ủy vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi thêm tình hình và kế hoạch tác chiến. Vũ khí phân đội mang theo ngoài mỗi



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

người một khẩu tiểu liên còn có một quả mìn kích nổ bằng điện nặng hơn 3 kg. Quả mìn được giao cho đồng chí Huệ và đồng chí Sắc sử dụng đánh địch trong mũi chủ công. Đêm 6-7, phân đội bí mật hành quân về một vạt rừng chòi ở Gò Me, ém quân phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân), một cơ sở cốt cán của Thị ủy Biên Hòa.

18 giờ ngày 7 – 7 - 1959, đồng chí Hưng và anh Năm Lũy (con trai má Xuân) được lệnh ra quan sát mục tiêu lần cuối. Trong lúc đó, các đội viên tự vệ mật do đồng chí bí thư Thị ủy chỉ huy cũng bắt đầu triển khai lực lượng phối hợp chiến đấu.

Khoảng 19 giờ, trời nhá nhem tối, phân đội hóa trang như một toán lính đi tuần từ Gò Me dọc theo bờ ruộng tiến thẳng vào khu cư xá. Các ám hiệu, tín hiệu của cơ sở cho thấy bí mật vẫn đảm bảo.

Bên trong cư xá, 6 tên cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim "cái áo rách" do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ở phòng khách tầng trệt.

Khi bọn lính đến phiên đổi gác, các chiến sĩ đặc công nhanh chóng theo lối cống phụ tiến vào áp sát khu cư xá. Hai đồng chí bí mật núp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nả đạn. Hai đồng chí Sắc và Huệ mang mìn theo lối cửa hông (lối xuống nhà ăn), lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim, đưa mìn vào đặt sẵn trong phòng.

Nhưng khi các anh mới vào phòng, đèn bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã kết thúc, tên



Ảnh: Tác giả tham quan Khu trưng bày, tái hiện hình ảnh trận đánh “Nhà Xanh”

Nguồn ảnh: Tác giả



trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa ra lệnh nổ súng. Mấy loạt tiểu liên từ hai phía cửa sổ bắn thẳng vào phòng. Thiếu tá Buis mới tới Biên Hòa hai ngày và trung sĩ Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huê ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi bàn đang hốt hoảng chạy xuống. Tiếp đó, một tên Mỹ khác cũng nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho địch kịp thời phản ứng và nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huê đã chấp nhận hy sinh. Anh hô to "chấm điện". Đồng chí Sắc ở phía sau chập mạch hai đầu dây khỏi pin. Một quãng lửa chớp sáng kèm theo một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả khu vực cư xá. Hệ thống đèn điện trong phòng phụt tắt. Đồng chí Huê đã anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông vào nhà quét vài loạt đạn vào nơi có tiếng kêu gào, rên la của bọn Mỹ và nhanh chóng diu đồng chí Sắc, đưa tử sĩ rút ra ngoài.

Ngay lúc trận đánh diễn ra, đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật đã kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên chỉ huy lính bảo vệ và trại lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng phân đội đặc công.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Tất cả các đơn vị địch đều không kịp phản ứng, kể cả bọn lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án định sẵn, các chiến sĩ đặc công vượt lỗ hồng hàng rào, qua sân banh, băng lộ 15 hướng suối Sơn Máu rút về chiến khu an toàn. Các chiến sĩ tự vệ nhanh chóng cất giấu vũ khí, thay đổi trang phục, trở lại cuộc sống bình thường của người dân phố thị.

Mãi một giờ sau trận đánh bọn địch từ các nơi mới đến được cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát ở Sài Gòn cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng dấu tích các chiến sĩ cách mạng. Nhưng chúng không thấy gì, ngoài những xác chết của đồng bọn. Suốt đêm tới sáng, lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện gì thêm ngoài một vài dấu vết chân do các tự vệ mật nghi trang để đánh lạc hướng truy tìm của địch.



Ảnh: Tác giả tham quan

Di tích lịch sử cấp Quốc gia “Nhà Xanh”

Nguồn ảnh: Tác giả

Thế là sau mấy tháng âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là phân đội đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích vào trụ sở phái đoàn quân sự Mỹ ở BIF (nhân dân thường gọi là Nhà Xanh) đã giành được thắng lợi.

Trận đánh ở "Nhà Xanh" đêm 7

rạng 8-7-1959 là trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông trong

cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày nay, tại thủ đô nước Mỹ Oa-sinh-ton (Washington) trên bức tường đá ghi tên những quân nhân Mỹ chết trận tại Việt Nam theo thứ tự thời gian thì Dale. R. Buis và Chester. M. Ovmand là hai lính Mỹ đầu tiên trong danh sách.

Cảm nhận của tác giả: Tục ngữ Việt Nam có câu “Nhu rấn mất đầu” tức chỉ một tổ chức không có người chỉ huy, tổ chức ấy sẽ mất phương hướng và dễ bại vong. Ứng với câu tục ngữ ấy là hiện thực đời sống rất rõ ràng: một quân đội hùng mạnh, người chỉ huy được bảo vệ nghiêm ngặt vậy mà lại tử trận dễ dàng trước đội quân chính nghĩa của Cách mạng Việt Nam.

Đối với tác giả, chiến thắng Nhà Xanh, giết được những lính Mỹ đầu tiên tại ngay cơ quan đầu não của chúng là một minh chứng hùng hồn cho ý chí đánh đuổi kẻ thù, giữ gìn mảnh đất quê hương của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai. Chiến thắng này như một đòn giáng thẳng vào Lầu Năm Góc về sự kiên cường, anh dũng của quân dân Việt Nam, từ chiến thắng đầu tiên này đã mở màn cho nhiều chiến thắng khác oanh liệt và tự hào hơn.



2.3.3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa

Sân bay Biên Hòa là một căn cứ quân sự do thực dân Pháp xây dựng trước năm 1945. Ban đầu chỉ là một sân bay dân dụng của Pháp.

Đến năm 1943 phát xít Nhật xây dựng thành sân bay quân sự, đồng thời là xưởng sửa chữa máy bay thuộc xã Tân Phong. Năm 1958, Mỹ bắt đầu mở rộng xây dựng thành một sân bay quân sự lớn ở miền Nam.

Đến năm 1964, thành sân bay quân sự thuộc loại tối tân nhất ở Đông Nam Á bấy giờ.

Sân bay quân sự Tân Phong Biên Hòa nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa 1 km về phía bắc, cách Sài Gòn 30 km hướng đông bắc, diện tích 40 km² với hai đường băng dài 1000 mét và 3600 mét có trang thiết bị hiện đại, đảm bảo cho các loại máy bay cất cánh hạ cánh bất cứ ngày đêm, bất cứ thời tiết.



Ảnh: Sân bay Biên Hòa năm 1964
nhìn từ trên cao
Nguồn ảnh: Internet

Sân bay có 5 khu chứa máy bay các loại, có lúc lên đến 460 chiếc. Đây là căn cứ xuất phát của các loại máy bay Mỹ đi đánh phá khắp miền Nam, miền Bắc, Lào và Campuchia. Đồng thời là căn cứ huấn luyện giặc lái cho không quân Sài Gòn. Ở đây, thường xuyên có 2000 nhân viên kỹ thuật, lính thợ. Từ 1966 trở đi, sân bay là căn cứ của sư đoàn 23 không quân Sài Gòn.



Ảnh: Ảnh mô phỏng

Trình sát mục tiêu Sân bay Biên Hòa

Nguồn ảnh: Internet

Sân bay được bố phòng nghiêm ngặt. Vòng ngoài được bao bọc bởi các lớp rào kẽm gai các loại có gài mìn, lựu đạn, trái sáng..., bên trong có nhiều chướng ngại, hầm hố. Ngoài cùng là các áp chiến lược, hệ thống đồn bốt bao quanh.

Bên trong có nhiều con đường trải nhựa để xe cơ giới tuần tra; cách 100, 150 mét lại có một lô cốt do 1 tiểu đội đóng giữ. Sân bay có hệ thống đèn pha soi sáng vào ban đêm. Lực lượng bảo vệ

sân bay có một đại đội pháo binh, một đại đội thiết giáp, một đến hai tiểu đoàn bộ

binh. Công ra vào sân bay có một đại đội an ninh quân đội kiểm soát.

Thị xã Biên Hòa luôn túc trực 2 tiểu đoàn bộ binh ứng chiến sẵn sàng chi viện khi cần. Trên sông Đồng Nai thường xuyên có các giang thuyền tuần tra. Máy bay địch từ Tân Sơn Nhất có thể chi viện bất cứ lúc nào.

Từ tháng 4 - 1964, Bộ Tư lệnh Miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa để tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm. Tổ điều nghiên của đoàn pháo binh Miền do Huỳnh Thành Đồng chỉ huy lên đường làm nhiệm vụ từ tháng 4. Biệt động thị xã Biên Hòa đã hỗ trợ rất tích cực để đội trinh sát hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 9 - 1964, đồng chí Lương Văn Nho đoàn trưởng pháo binh U80 Miền và bộ phận trinh sát về chiến khu Đ trực tiếp làm việc cùng Tỉnh ủy, Tỉnh đội Phước Thành chuẩn bị cho trận đánh.

Trên đường hành quân, lực lượng phải mang vác vũ khí nặng qua nhiều ruộng lầy, rừng chồi, vượt qua nhiều đồn bốt, áp chiến lược, trong đó có khoảng gần 10 km



địa hình trống trải ở ngoại vi sân bay Biên Hòa. Nhân dân chiến khu Đ đã cho mượn ghe xuồng để lực lượng bí mật vượt sông.

Đêm 31 – 10 - 1964, 7 khẩu đội cối 81 ly, 2 khẩu đội ĐKZ 75 ly, 2 khẩu pháo bộ binh 70 ly với 176 quả đạn đã bí mật chiếm lĩnh, xây dựng trận địa. 23 giờ 20 phút ngày 31 – 10 - 1964, các loạt pháo nổ đồng loạt vào các mục tiêu trong sân bay Biên Hòa. Các đồng chí Tô Thái, Tiêu Ngọc Tiên cán bộ chỉ huy trực tiếp đứng trên một chạc cây cao để quan sát và hiệu chỉnh cho pháo bắn.

Sân bay Biên Hòa bị bao trùm bởi tiếng nổ và khói lửa. Tiếng nổ làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Khi máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên bắn chi viện xuống các đường băng, các chiến sĩ pháo binh đã rút về chiến khu Đ an toàn. Kết quả ta bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại, trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xca-rai-đơ, một máy bay do thám U2, 3 máy bay lên thẳng, 1 kho đạn pháo 105 ly, 1 đài quan sát sân bay..., nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính bị chết. Trận tập kích bằng pháo vào sân bay Biên Hòa là đòn đánh bất ngờ gây choáng váng cho địch. Tổng thống Mỹ đang đi vận động tranh cử phải vội vã quay về Nhà trắng để nghe báo cáo về sân bay Biên Hòa bị quân ta tiến công.

Taylor, đại sứ Mỹ ở miền Nam khi đến sân bay sáng ngày 1 – 11 - 1964, trước cảnh hoang tàn đổ nát khủng khiếp đã phải than vãn: "Rõ ràng Việt cộng đã làm một việc mà trước đây họ chưa hề làm, tôi không thích những chuyện như thế". Các báo chí phương Tây đều đưa tin về trận đánh với nội dung: Nếu Việt cộng đã đánh được sân bay Biên Hòa, thì họ có thể đánh bất cứ đâu khi họ muốn.

Trên báo Nhân Dân số ra ngày 12 – 11 - 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài bình luận, kết thúc bằng 4 câu thơ:

"Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng trống thảng lay Nhà trắng
Điện Biên Mỹ chẳng phải chờ lâu"



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Đoàn pháo binh U80 của Miền đã được ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng huân chương Quân công giải phóng hạng nhất.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần này có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, cũng là trận mở đầu cho hàng loạt trận tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa sau này của các lực lượng vũ trang quân giải phóng miền Nam. Từ năm 1965 đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, các lực lượng vũ trang quân giải phóng ở Biên Hòa đã liên tục tiến công sân bay với mức độ hỏa lực mạnh hơn, tiêu diệt nhiều sinh lực Mỹ ngụy và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và ngụy quyền, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.

Cảm nhận của tác giả:

Hơn 50 năm trôi qua từ khi “trận bão lửa” dội lên đầu “bầy quạ sắt” của không lực Hoa Kỳ nhưng chiến công của quân dân Đồng Nai vẫn luôn được ghi nhớ bằng ký ức oai hùng và vĩ đại. Có thể nói, trận tiến công vào sân bay Biên Hòa của Cách mạng Việt Nam đã gây chấn động dư luận Quốc tế thời bấy giờ bởi mức độ tàn phá kho tàng của chính quyền Mỹ là quá lớn.



Ảnh: Tác giả đến tham quan
Tượng đài chiến thắng Sân bay Biên Hòa
Nguồn ảnh: Tác giả

Đọc về lịch sử chiến thắng sân bay Biên Hòa, nghe kể chuyện truyền thống, đến thăm di tích tượng đài, thăm các anh bộ đội không quân hiện đang làm nhiệm vụ... tác giả mới thật sự cảm phục trước những gì mà cha ông đã hy sinh cho trận đánh này.



Đề từ trận đánh mở màn đầy thắng lợi, sân bay Biên Hòa đã chứng kiến thêm nhiều trận đánh khác, phá hủy nhiều hơn nữa kho tàng của địch... Chính những điều trên đã đóng góp vào thành công chung của trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2.3.4. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ ngụy ở Biên Hòa.

Đánh kho Long Bình

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành san ủi rừng lập tổng kho Long Bình để đảm bảo hậu cần cho lực lượng quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Long Bình là kho hậu cần vào loại lớn nhất của Mỹ ở miền Nam, cung ứng bom đạn và các thiết bị chiến tranh cho quân đội Mỹ ở miền Nam.

Kho liên hợp hậu cần Long Bình chiếm diện tích khoảng 24 km², cách thành phố Biên Hòa 7 km, Sài Gòn 30 km về hướng đông, phía bắc có một dãy đồi gồm 16 mỏm nối tiếp nhau chạy dài từ bắc xuống nam theo hình cánh cung. Phía nam có sông Đồng Nai chảy từ thành phố Biên Hòa xuống tây nam căn cứ Long Bình đổ ra sông Lòng Tàu. Phía đông có sông Buông chảy từ đông sang tây. Phía bắc có đường quốc lộ 1 và đường sắt đi Long Khánh. Phía tây giáp xa lộ Biên Hòa Sài Gòn. Kho liên hợp Long Bình là khu kho dự trữ quan trọng, ngoài bom đạn, xăng dầu, còn tập trung nhiều loại thiết bị và phương tiện chiến tranh khác. Long Bình còn là nơi đóng các bộ chỉ huy của Mỹ như: Bộ tư lệnh hậu cần số 1, bộ tư lệnh lực lượng, bộ tư lệnh dã chiến 2... Lực lượng chiếm đóng và bảo vệ thường xuyên tại đây có 2.000 tên Mỹ, chủ yếu là nhân viên kỹ thuật, lực lượng bảo vệ, vận tải, sửa chữa.

Bao quanh khu kho Long Bình có từ 7 đến 9 lớp rào kẽm gai các loại có hướng đến 10, 12 lớp, có gài mìn, lựu đạn. Từng khu một trong kho đều có hàng rào ngăn cách. Bên trong khu kho có nhiều đường để cơ giới tuần tra.

Ngoài lực lượng bảo vệ tại chỗ, về phía đông nam Long Bình có căn cứ Nước Trong, đông bắc có cứ điểm Long Lạc và nhiều đồn bót xung quanh thuộc quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất... sẵn sàng chi viện khi kho bị tấn công. Trong



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

tổng kho Long Bình, hai khu quan trọng là khu kho đồi 53 và 50. Kho đồi 53 có diện tích khoảng 3,75 km mét² (rộng 1,2 km, dài 2,5 km), có 18 dãy với khoảng 200 gian kho, chia thành 3 khu lớn, mỗi khu 6 dãy, mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho rộng 25 mét, cao 5,5 mét, có ụ đất dày bao bọc xung quanh chống được các loại pháo bắn thẳng, cửa làm bằng sắt dày 10 ly, có khóa kim loại cứng.



Ảnh: Hình ảnh Tổng kho Long Bình nhìn từ trên cao
Nguồn ảnh: Internet

Bom đạn chất thành từng dãy, cách nhau một con đường hẹp, chỉ cần nổ một kho sẽ gây chấn động làm nổ lan ra các kho khác trong khu vực.

Ngày 22-6-1966, sáu đặc công gồm: Nguyễn Tấn Vàng (Ba Vàng) mũi trưởng, Nguyễn Văn Thái (Tur Già) mũi phó, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Toàn, Phạm Văn Hòa, Nguyễn Văn Rô vào được mục tiêu, chia làm 3 tổ do Nguyễn Văn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng. Ba tổ bí mật vượt qua các lớp rào, lọt vào khu kho đồi 53. Theo kế hoạch, cứ cách 1 hoặc 2 kho các anh đặt một quả mìn.



Đêm 22-6, khi các chiến sĩ đã đặt trái xong, rút khỏi mục tiêu, khu

Ảnh: Khu vực chứa vũ khí của kho Long Bình bị phá hủy sau trận đánh
Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai



kho đòi 53 bắt đầu nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn. Lửa khói từ trong kho Long Bình cuộn lên thành hình cây nấm khổng lồ. Tiếng nổ liên tục đến ngày hôm sau. Bốn mươi ngàn quả đạn đại bác ở khu kho đòi 53 bị phá hủy.

Báo chí của địch ở Sài Gòn đã đưa tin tổng kho Long Bình bị Việt cộng tấn công. Sáng 23-6, tên tướng tư lệnh hậu cần Mỹ lên hiện trường đã chứng kiến cảnh đổ nát hoang tàn của khu kho 53. Khi được hỏi có biết Việt cộng tấn công kho không, hắn trả lời: "Nếu tôi biết Việt cộng đánh kho, tôi đã là họ rồi".

Đây là trận tiến công đầu tiên vào tổng kho Long Bình của Mỹ phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hòa.

Đặc công Biên Hòa đã được Trung ương cục, Quân ủy Miền tặng huân chương Quân công hạng 3 cho đơn vị và 4 huân chương Chiến công hạng 3 cho các chiến sĩ đã lập công đầu. Nét nổi bật của đặc công Biên Hòa là sẵn sàng chiến đấu phối hợp kịp thời, nhịp nhàng cùng chiến trường miền Nam theo chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền. Trong 3 tháng 10, 11, 12 - 1966, để hỗ trợ toàn Miền đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ, đặc công U1 đã ba lần tấn công kho Long Bình, phá hủy 353.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly.

Tháng 2-1967, khi đế quốc Mỹ chuẩn bị mở trận càn Gian-xon-xi-ty (Junction City) vào căn cứ bắc Tây Ninh, các lực lượng đặc công, biệt động Biên Hòa đã liên tục tấn công vào hai mục tiêu sân bay Biên Hòa và kho Long Bình.

Cùng lúc, đội 1 đặc công tấn công sân bay Biên Hòa, đêm 3-2-1967, đội 2 đặc công U1 đánh vào khu kho đòi 53 với 4 quả mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 phút ngày 4-2, khu kho đòi 53 lại bị nổ tung, tiếng nổ kéo dài suốt 30 giờ đồng hồ. Ta phá hủy 40 dãy kho với 800.000 quả đạn đại bác của Mỹ.

Địch chưa hết bàng hoàng trước các trận đánh của đặc công thì đầu tháng 3-1967, biệt động thị xã Biên Hòa do hai chiến sĩ Sáu Châu, Sáu An chỉ huy đã đánh vào kho xăng dầu Biên Hòa nằm cách cầu Gành 200 mét, dùng mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn chứa xăng dầu và 200 phuy xăng, thiêu hủy hàng triệu lít xăng dầu.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Đợt đánh của đặc công, biệt động Biên Hòa cuối năm 1966, đầu năm 1967 đã thực sự đánh thủng "dạ dày" của Mỹ, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh của chúng, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn Miền. Thắng lợi lớn của đặc công Biên Hòa chào mừng một sự kiện lớn: "Bình chủng đặc công quân đội nhân dân Việt Nam chính thức thành lập ngày 19-3-1967"

Trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh vào khu kho đồi 53, phá hủy 127 dãy kho bom đạn. Đặc công Biên Hòa (tiểu đoàn 1) cùng sư đoàn 5 (chủ lực Miền), trung đoàn ĐKB pháo binh Miền tiến công vào sân bay quân sự Biên Hòa, phá hủy 120 máy bay các loại. Chiến dịch xuân Kỷ Dậu 1969, đại đội 9, tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh khu kho đồi 50, 53, bom pháo bị phá hủy, nổ liên tục trong 7 ngày đêm.

Mùa xuân 1972, chiến dịch toàn miền, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ. Tiểu đoàn 1 và 2 đặc công Biên Hòa được Bộ chỉ huy Miền quyết định điều động làm nòng cốt để xây dựng đoàn đặc công 113.

Trên cơ sở điều nghiên trước đó của đặc công Biên Hòa, ngày 12-8-1972, tiểu đoàn 9 đặc công đoàn 113 gồm 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập vào khu kho đồi 53. Thuận lợi là trong đêm đó, địch mở cửa kho để xả hơi, do đó đặc công ta vào được trong kho đặt mìn vào các dãy kho. Từ 1 giờ 40 phút đến 4 giờ 30 phút ngày 13-8-1972, khu kho đồi 53 bị nổ tung, phá hủy 5.430 tấn bom đạn, 200 tấn thuốc nổ và một số kho tàng, nhiên liệu khác, phá hủy 17 gian nhà lính, 300 lính Mỹ nguy đên tội.

Các đơn vị tham gia trận đánh đã được tặng thưởng 1 huân chương Quân công giải phóng hạng 3, 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng 2, 16 huân chương Chiến công giải phóng cho các chiến sĩ.

Tấn công kho Thành Tuy Hạ và đánh tàu trên sông Lòng Tàu

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, có tính chất trung chuyển đi các nơi. Kho đạn Thành Tuy Hạ do Pháp xây dựng, được Mỹ sửa chữa, nâng cấp và mở rộng.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Kho nằm về phía đông nam Sài Gòn khoảng 18 km, kẹp giữa hai con lộ 25 và 19 thuộc huyện Nhơn Trạch, Biên Hòa (cũ). Kho có chiều dài 1,5 km, rộng 1 km. Phía bắc, sát hàng rào kho có lộ 25 từ cảng Cát Lái xuống kho Long Bình. Con sông Sâu song song với lộ 17 từ Cát Lái chảy vào sông Đồng Nai, chiều rộng 400 mét, sâu 13 mét, nước chảy xiết, bờ nam sông có 3 cảng cách nhau từ 200 đến 250 mét.

Tàu trọng tải 6.000 tấn ra vào cảng dễ dàng. Phía đông, kho giáp rừng cao su, rừng chồi Phú Hội, có nhiều trắng trổng. Phía nam có nhiều khoảng rừng trống, ruộng và các ấp chiến lược: Soài Minh, ông Kèo ven lộ 19. Phía tây có ấp chiến lược Phước Lý và lộ 19.

Bao bọc quanh kho là 14 lớp hàng rào kẽm gai tổng hợp, chia làm 3 tuyến phòng thủ. Mỗi tuyến đều có hệ thống lô cốt, hầm hào và nhiều chướng ngại vật.

Lực lượng địch bảo vệ kho có một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn quân cụ, một trung đội cảnh sát và khoảng 100 chó béc giê, một số xe jeep có gắn đại liên để cơ động tuần tiễu quanh kho. Kho còn được yểm trợ của lực lượng giang thuyền (18 chiếc) từ Nhà Bè, Cát Lái đến kho Long Bình.

Từ năm 1965, sông Lòng Tàu trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ để đưa thiết bị chiến tranh vào miền Nam. Hàng ngày có đến 30 tàu vận tải quân sự 6.000 đến 13.000 tấn ra vào sông Lòng Tàu.

Tháng 6-1966, đặc khu Rừng Sác được thành lập, sau này gọi là đoàn 10 đặc công Rừng Sác. Đặc khu là một khu vực quân sự đặc biệt rộng 60.000 hecta.

Nhiệm vụ của đoàn 10 đặc khu Rừng Sác là: đánh tàu chở hàng quân sự trên sông Lòng Tàu, đảm bảo một hướng tiến công vào đầu não, sào huyệt cuối cùng của địch và đánh cảng quân sự nhằm phá hủy các phương tiện chiến tranh, nhiên liệu của địch; hỗ trợ phong trào cách mạng địa phương; xây dựng bàn đạp hành lang, tạo thế vững chắc để có thể hoạt động trong mọi điều kiện...

Đoàn 10 đặc công Rừng Sác hoạt động ở địa hình sông nước, phức tạp, thường xuyên thiếu nước ngọt, lương thực, lại phải liên tục chống địch càn quét. Đoàn phải bám dân xây dựng cơ sở ở cách mạng, phát huy tinh thần tự lực tự cường,



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

ngoài vũ khí được trang bị, đoàn 10 còn phải tự sáng tạo vũ khí để đánh địch. Đoàn 10 đã rèn luyện thành thục, giỏi bơi lặn, nhờ vậy đã đánh được tàu địch đang di chuyển trên sông, tàu địch cập cảng, các kho tàng (mục tiêu trên bộ), các bến bãi (mục tiêu dưới nước), đánh giao thông đồn bót và pháo kích, áp sát các mục tiêu, đánh sâu vào nội thành.

Trên địa bàn Biên Hòa, hai trận đánh kho Thành Tuy Hạ của đoàn 10 đặc công Rừng Sác phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Đêm 11-11, lực lượng đặc công do Nguyễn Hữu Hòa chỉ huy đã vượt qua các lớp rào kẽm gai với nhiều bãi mìn, lựu đạn. Mười sáu khối thuốc nổ hẹn giờ được gắn vào các kho bom, chất nổ. Kho bom Thành Tuy Hạ nổ tung, gây thành đám cháy lớn. Hơn 10.000 tấn bom đạn, 33 nhà kho bị hủy diệt.

Sau trận tháng 11, địch tăng cường phòng thủ kho càng nghiêm ngặt hơn, lập thêm nhiều hàng rào thiếc cao 2,5 mét, chôn sâu xuống đất 3 tấc quanh chu vi kho, không thể cắt được. Địch tăng cường phục kích giữa hai lớp rào, cách 15 mét lại có đèn cao áp soi sáng.

16 giờ ngày 10-12, chiến sĩ đặc công đoàn 10 do đội trưởng Quyết chỉ huy lên đường từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến bàn đạp thị trấn. 23 giờ ngày 11-12, đội đặc công với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả người theo dòng nước. Cả tổ đến khu kho vào lúc 3 giờ ngày 12-12 và ém lại trong kho. 19 giờ, đội trưởng Quyết vận động về phía nam 500 mét đã tìm thấy kho bom. Anh quay trở lại đưa cả tổ vào khu vực đánh.



Ảnh: Khu Di tích Địa đạo Nhơn Trạch ngày nay
Nguồn ảnh: Internet



Mỗi dây kho cách nhau từ 15 đến 20 mét. Các chiến sĩ đặt khối thuốc nổ theo cách nổ lan truyền từ trong ra với các dây 1,3,5,7,9. 2 giờ 55 phút ngày 13-12-1972, kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung.

Tiếng nổ làm chấn động cả Sài Gòn. Tiếng nổ và cháy liên tục đến ngày 14-12 mới chấm dứt. Ta đã phá hủy 8 dây nhà (80 gian) gồm 47 gian kho đạn pháo 105 ly chiếm 109.557 mét khối; 14 gian kho bom CBU chiếm 33.937 mét khối, 19 gian kho chứa bom khác chiếm 60.192 mét khối. Tính về trọng lượng, đặc công đã phá hủy 18.057 tấn, bằng 80% số lượng bom đạn của khu kho.

Bộ chỉ huy Miền đã tặng thưởng 1 huân chương Quân công hạng 3 cho tổ chiến đấu và 5 huân chương Chiến công cho 5 chiến sĩ đặc công.

Cảm nhận của tác giả: Để làm cho địch giảm khả năng vươn vòi hung ác, để chiến trường miền Nam bớt tàn khốc hơn do bom đạn thì một trong các cách làm đó là phá kho tàng của địch. Bộ đội đặc công ta đã phát huy được khả năng đánh ít thắng nhiều của mình bằng các chiến thắng đánh vào tổng kho Long Bình hay đánh vào kho Thành Tuy Hạ, phá hủy kho tàng của chúng và gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Có thể thấy, các chiến thắng đánh vào tổng kho của địch đã làm thiệt hại tiềm lực chiến tranh của địch ở miền Nam, hạn chế khả năng chi viện hỏa lực của chúng, tạo điều kiện cho các chiến trường bạn đánh thắng địch. Những chiến thắng ở sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ mãi mãi là những chiến công lớn, tiếng vang lớn, được lưu truyền, sử sách ghi danh.

2.3.5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa chiến lược, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn hội nghị tại Pa-ri và từng bước rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 10-1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có nghị quyết mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tiến công vào toàn bộ các đô thị của địch ở miền Nam



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Việt Nam. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 14 thông qua vào tháng 1-1968.

Chuẩn bị cho cuộc tiến công, chiến trường Đồng Nai có sự điều chỉnh lại gồm các đơn vị chiến trường như sau:

- Tỉnh U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom)
- Hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch và sở cao su Bình Sơn thuộc về phân khu 4.
- Huyện Long Khánh, Định Quán thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh.

Cùng với quân dân toàn miền Nam, trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968, quân và dân Đồng Nai đã tiến công đồng loạt vào các thị xã, thị trấn làm chủ được địa bàn. Tuy nhiên, thắng lợi và ác liệt nhất là ở thành phố Biên Hòa.

Thị xã Biên Hòa, một trọng điểm của chiến trường miền Đông, các mục tiêu tiến công quan trọng là: sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Bộ tư lệnh 2 đã chiến Mỹ (trong khu vực Long Bình), quân đoàn 3 ngụy, Nha cảnh sát miền Đông...

Đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh phó-Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền đã trực tiếp về căn cứ Tỉnh ủy ở Bàu Sao (Trảng Bom) để triển khai nghị quyết Trung ương cục, Bộ chỉ huy Miền, giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Biên Hòa (U1) và Bộ tư lệnh sư 5.

Đồng chí Lê Đức Anh chỉ định Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa gồm có: Tư lệnh: đồng chí Trần Minh Tâm, sư trưởng sư đoàn 5 Miền; phó tư lệnh: đồng chí Trần Công An, tỉnh đội trưởng U1; chính ủy mặt trận: đồng chí Sáu An; chính ủy sư đoàn 5 Miền: đồng chí Dũng; đồng chí Phan Văn Trang là phó chính ủy mặt trận.

Bố trí lực lượng tại mặt trận thị xã Biên Hòa gồm sư đoàn 5 chủ lực Miền; lực lượng phối thuộc trung đoàn 4, trung đoàn DKB và tiểu đoàn 1 và 2 đặc công 1, đội biệt động thị xã; bộ đội địa phương và du kích các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom.

2 giờ sáng ngày 31-1-1968 (đêm 30 Tết Mậu Thân), trận địa pháo trung đoàn DKB tại Hiếu Liêm đúng giờ G ngày N đã bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, làm hiệu lệnh cho cuộc tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Ngay phút đầu, đoàn pháo 724 đã bắn trên 120 viên đạn pháo tên lửa trúng khu nhân viên kỹ thuật, sở chỉ huy sân



bay, kho xăng, kho đạn trong sân bay Biên Hòa. Những cột khói lớn bốc lên từ sân bay xen lẫn với tiếng nổ, ánh chớp của lửa đạn.

Đại đội 1 thuộc tiểu đoàn 1 đặc công Biên Hòa, tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 4 có biệt động dẫn đường đã dùng bộc phá đánh bung các lớp rào kẽm gai, tiến vào sân bay, dùng B40, thủ pháo tiến công các khu vực chứa máy bay, phá hủy 120 máy bay các loại. Máy bay Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất đã lên phản kích ác liệt, xe tăng địch từ Hóc Bà Thức tấn công vào sườn của tiểu đoàn 1, bịt kín lối ra sân bay. Đại đội 1 đã kiên cường bám trụ đánh trả máy bay, xe tăng, bộ binh của địch. Đại đội 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời phát triển vào khu cư xá của giặc lái và chuyên viên kỹ thuật, diệt và làm bị thương hàng trăm tên. Đại đội 1 tiểu đoàn 1 đã hy sinh anh dũng trong sân bay (chỉ còn 1 đồng chí trở về).

Đặc công sư 5 và biệt động thị xã đã tiến công phía tây sở chỉ huy quân đoàn 3. Lực lượng đã bám trụ đánh địch phản kích ác liệt, kiên quyết giữ bàn đạp để hỗ trợ tiểu đoàn 1 ở sân bay. Lực lượng tuy có bị thương vong, nhưng đã chiến đấu kiên cường.

Cùng thời gian, tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 5 sư 5 và đặc công sư đoàn tiến công vào Bộ tư lệnh dã chiến II của Mỹ ở Long Bình. Đại đội 6 tiến công vào sân bay phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Máy bay địch từ sân bay Tân Sơn Nhất lên bắn rốc két ngay vào đội hình và triển khai xe tăng bao vây tiểu đoàn. Tiểu đoàn 2 bị thương vong. Ở khu ngoại vi kho Long Bình, đại đội C92 pháo mặt đất chống trả quyết liệt với lữ đoàn 199 Mỹ, anh dũng chiến đấu đẩy lùi 5 đợt phản kích của địch. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tur Già) chỉ huy đột nhập khu kho đồi 53, đặt trái đã phá hủy 127 kho chứa bom đạn của Mỹ. Tiếng nổ kéo dài đến mấy ngày sau chưa dứt.

Tại các vùng ngoại và nội ô như: Hiệp Hòa, ấp Bình Đa, Lân Thành, Tân Thành... cơ sở tại chỗ nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân, diệt một số tên tai sai ác ôn. Em Lê Minh Tâm (15 tuổi), con của má Bảy Vết đã dũng cảm đưa hơn 20 chiến sĩ biệt động đang trụ tại trường Mỹ nghệ vượt vòng vây địch để về Hóa



An. Gần 20 cán bộ chiến sĩ của sư 5 đi lạc đã được nhân dân ấp Bình Đa nuôi dưỡng trong nhà, mấy ngày sau cơ sở lại tìm cách luồn lách đưa 20 cán bộ, chiến sĩ về căn cứ an toàn.

Sáng mùng 3 Tết (2-2-1968), Bộ chỉ huy Mặt trận cho các lực lượng rút khỏi thị xã để củng cố đội hình tiếp tục đánh địch phản kích và chuyển hướng đánh địch ở khu vực Định Quán (đường 20).

Cảm nhận của tác giả: Khi tham khảo nhiều nguồn tài liệu, cũng như những công bố nhìn nhận lịch sử những năm gần đây, người viết nhìn nhận chiến trận Xuân Mậu Thân 1968 chính là cuộc tập dợt lần 1 trên toàn miền Nam để ta biết được thế và lực của địch, chuẩn bị đầy đủ hơn cho mùa xuân năm 1975.

Xuân Mậu Thân 1968, nếu nhìn vào những số liệu lịch sử thì đây là trận mà phía Cách mạng Việt Nam mất rất nhiều nhân lực và vật lực, nhưng cũng là trận ghi dấu ấn khi lần đầu tiên lực lượng quân giải phóng đã xuất hiện và tiến công địch tại thị xã Biên Hòa và các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh.

Cuộc tiến công đồng loạt cho thấy tinh thần dũng cảm của quân giải phóng. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội được nhân dân khâm phục. Tấm lòng của nhân dân thị xã Biên Hòa thể hiện rõ trong việc tiếp tế lương thực, che giấu chiến sĩ, chỉ đường cho bộ đội về căn cứ.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, dè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

2.3.6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Xuân Lộc - Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy ở miền Đông Nam bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh đã lập nên những chiến công xuất sắc, đặc biệt trong



trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975, đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy ở phía đông bắc Sài Gòn, góp phần to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuối tháng 3 -1975, trước sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, quân đoàn I và II của ngụy bị đập tan, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được giải phóng, chế độ tay sai ở Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28-3-1975, trung tướng Mỹ Uyên, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy cho chế độ ngụy ở Sài Gòn.

Uyên-en quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới, chốt tại thị xã Phan Rang, nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây bắc. Uyên-en nhấn mạnh với Thiệu là "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn". Ngay trong ngày 28-3, Uyên-en cùng tướng ngụy Cao Văn Viên bay lên Xuân Lộc để thị sát và trực tiếp chỉ huy xây dựng tuyến phòng thủ Xuân Lộc. "Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc" được xây dựng với hàng ngàn lính thuộc các đơn vị tinh nhuệ nhất của chúng ở quân đoàn 3 như: sư đoàn 18, lữ đoàn dù số 1, liên đoàn 7 biệt động quân, lữ đoàn 3 thiết giáp... Nguyễn Văn Thiệu đã hứa hẹn với quan thầy: "Dù có chết, tôi cũng quyết giữ cho được Xuân Lộc".

Nhận thức rõ tính chất quan trọng và vị trí chiến lược của thị xã Long Khánh, Hội nghị của Khu ủy miền Đông (từ 31-1 -1975 đến 8-2-1975) đã xác định: "Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của mình"

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy, Thị ủy Long Khánh đã hạ quyết tâm: Dùng ba mũi chính trị, binh vận kết hợp với vũ trang và cơ sở mật bên trong để bức hàng, bức rút các đồn, bót địch ở các xã vùng ven, tạo bàn đạp cho chủ lực (quân đoàn 4) tiến công tiêu diệt địch ở thị xã Long Khánh.



Ảnh: Tác giả tham quan sa đồ Trận đánh
lá chắn thép Xuân Lộc tại Bảo tàng Tỉnh Đồng Nai
Nguồn ảnh: Tác giả

Đến cuối tháng 3-1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tỉnh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su ông Quế, bức rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tua Mã Trắng, bộ đội khu giải

phóng Định Quán, làm chủ lộ 20.

Như vậy, trước chiến dịch Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang Long Khánh đã giải phóng các vùng ven thị xã, tạo bàn đạp đứng chân cho chủ lực quân đoàn 4. Mặt khác, nhân dân thị xã Long Khánh đã chuẩn bị lương thực, thực phẩm cung cấp cho chiến dịch. Nhân dân đã đưa vào các kho dự trữ 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4.000 kg bột ngọt, hàng chục triệu đồng và nhiều hàng hóa khác phục vụ chiến dịch. Thắng lợi của Đảng bộ, quân dân Long Khánh trước chiến dịch Xuân Lộc đã được bộ Tư lệnh quân khu 7 đánh giá cao: Việc áp sát của quân khu chung quanh thị xã đã tạo điều kiện cho Miền quyết định đánh chiếm tiêu khu Long Khánh.

Từ ngày 4-4-1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát sư đoàn 1, sư 7 (quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã đi ều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính Ngụy.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

Sáng ngày 9-4-1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã.

Trên hướng tây thị xã, sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ bồng con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và k8 - bộ đội huyện đánh tan liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13-4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thị, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12-4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù ngụy số 1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta.

Để tránh thiệt hại cho dân, bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo tập trung hỏa lực mạnh, sử dụng pháo binh cấp tập diệt các cứ điểm quân sự bên trong thị xã, kéo địch ra ngoài thị xã từ cổng ngã ba Dầu Giây lên giáp với Lâm Đồng. Ngày 15-4, sư đoàn 6 diệt gọn chiến đoàn 52 thuộc sư 18 ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng hoàn toàn lộ 20, làm chủ phía tây thị xã. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ 1 đều bị đập tan.

Liên tục trong các ngày từ 16 đến 19-4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt t CBU). Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. Ngày 18-4, lữ đoàn dù số 1 nhận lệnh rút



về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh sư đoàn 18 ra lệnh "tùy nghi di tản".

22 giờ ngày 20-4-1975 hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chặn và truy kích, bắt sống tên đại tá tình trường Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21-4-1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngay trong đêm 21-4, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ.

Cảm nhận của tác giả: Nếu trong giai đoạn 1953-1954, thực dân Pháp dựng lên chiến trường Điện Biên Phủ tối tân nhất Đông Nam Á thời bấy giờ, nếu chiến thắng ở chiến trường này, ta hoàn toàn giành phần thắng ở bàn hội nghị Giơ ne vơ thì năm 1975, cánh cửa thép Xuân Lộc cũng đảm nhận sứ mệnh lịch sử ấy, vượt qua được cánh cửa thép này, chúng ta hoàn toàn có thể tiến thẳng về Sài Gòn và lật đổ chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Theo tác giả, chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng đã mở ra một cục diện mới có lợi cho Cách mạng Việt Nam trên chiến trường miền Nam, giúp Trung ương hạ quyết tâm mở chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Có thể thấy, một lần nữa, nhân dân Long Khánh, Đồng Nai lại ghi dấu ấn với lịch sử đất nước về chiến công của mình, góp phần vào vận mệnh chung của Cách mạng Việt Nam, vận mệnh chiến thắng vào mùa xuân năm 1975.



2.3.7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai

Ngày 10-3-1975, trận đánh chiếm Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch mùa xuân 1975 trong tháng 3-1975, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Kế tiếp sau đó là chiến dịch Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, ta giải phóng hoàn toàn quân khu 1 và 2 của ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn ở miền trung và duyên hải miền trung. Trong cơn hoảng loạn, địch phải thực hiện chiến thuật "tùy nghi di tản", rút bỏ hàng loạt vị trí để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông cố giữ cho được Sài Gòn, miền Đông và miền Tây Nam bộ, hy vọng tìm một giải pháp chính trị hòng duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn.

Trước thời cơ cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng tiên công giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc bị đập tan, thị xã Biên Hòa là tuyến phòng thủ án ngữ cuối cùng của chế độ Sài Gòn. Biên Hòa cũng là cửa ngõ của đại quân ta vào Sài Gòn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã triển khai trên hướng Biên Hòa với quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

*Quân đoàn 2 từ lộ 2 Xuân Lộc tiến về Long Thành, Nhơn Trạch để về Sài Gòn Quân đoàn 2 đã đánh dứt điểm các cứ điểm mạnh của địch ở Suối Râm, Nước Trong, một phần kho Long Bình chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, giải phóng hoàn toàn hai huyện này vào ngày 7-4-1975.

*Quân đoàn 4 từ sở Bình Lộc bắt đầu đánh địch vào ngày 25-4-1975, triển khai lực lượng đánh dứt điểm địch tại ngã ba Dầu Giây, Sông Thao, chi khu Trảng Bom... Quân đoàn đánh địch, giải phóng đến đâu, chính quyền địa phương tiếp quân đến đó. Quân đoàn đánh chiếm quân đoàn III, sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30-4-1975 Bộ phận Quân đoàn 4 gồm xe



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền.

Kết hợp với lực lượng bên ngoài, lực lượng quân chúng bên trong nổi dậy cướp chính quyền tại chỗ. Thành ủy Biên Hòa đã chủ động triển khai công tác chuẩn bị từ ngày 9-4-1975, đến 15-4-1975 thì hoàn tất trong nội thành Biên Hòa. Kế hoạch dự kiến hai khả năng: 1/ Đánh dài ngày phải di tản dân sang hướng đông bắc. 2/ Đánh giải phóng ngay, tiếp quản gọn. Kế hoạch gồm các điểm chính như sau:

* Phổ biến chủ trương giải phóng miền Nam, giải phóng Biên Hòa. Cán bộ, đảng viên, cốt cán đều vui mừng phấn khởi, ai cũng bắt tay ngay vào việc. Ủy ban khởi nghĩa được tổ chức ở nội thành Biên Hòa, các xã, phường ngoại ô và khu kỹ nghệ Biên Hòa.

*Lực lượng tại chỗ là đảng viên, đoàn viên, cốt cán nắm quần chúng và phòng vệ dân sự của địch là cơ sở của ta có trang bị súng để cùng quần chúng nổi dậy giành chính quyền tại ấp, xã, huyện, tỉnh

*May cờ lớn nhỏ; ghi âm sẵn lời kêu gọi của ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời và Mặt trận Giải phóng Biên Hòa để kêu gọi nhân dân nổi dậy; ghi âm 10 điều kêu gọi binh lính địch, quay về với Tổ quốc lập công đầu.

*Giải phóng tù nhân ở nhà tù Tân Hiệp và nhà tù Biên Hòa.

Tất cả mọi người đều phải hành động kết hợp theo tiếng súng của lực lượng vũ trang từ bên ngoài. Lúc bấy giờ phải phóng tay phát động không còn rụt rè do dự, phải mạnh dạn đứng lên giành chính quyền về tay mình.

Các bộ phận được phân công cướp chính quyền, chiếm giữ các mục tiêu khi giải phóng

*Lực lượng biệt động, an ninh và các bộ phận đánh giải phóng 4 xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Long Bình từ 23 đến 29-4-1975.



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

*Ban Công vận thành phố tiếp quản khu Kỹ nghệ Biên Hòa vào ngày 29-4-1975.



*Địch ở các cứ điểm quan trọng, các cơ quan đầu não như quân đoàn III và tiểu khu Biên Hòa, chi khu Đức Tu rút chạy từ đêm 9-4-1975.

Lực lượng cán bộ, đảng viên bên trong cắm cờ

ở tòa hành chính Biên Hòa lúc 6 giờ sáng ngày 30-4-1975; sau đó là dinh trung tướng Toàn, tư lệnh quân

đoàn III, nha cảnh sát miền Đông, quân đoàn III, ty cảnh

Ảnh: Nhân dân vui mừng sau khi
Biên Hòa hoàn toàn giải phóng năm 1975
Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai

sát Biên Hòa, quận Đức Tu.

* Sở chỉ huy tiền phương và lực lượng vũ trang trung đoàn 5, lực lượng chính trị chiếm tòa hành chính Biên Hòa vào lúc 10 giờ 30 ngày 30-4-1975.

* Sư đoàn 6 chiếm giữ sân bay, quân đoàn III vào 10 giờ 30 cùng ngày.

* Ban An ninh T1 chiếm giữ nha cảnh sát miền Đông, ty cảnh sát Biên Hòa.

* Ban An ninh thành phố Biên Hòa, chiếm giữ quận Đức Tu.

* Lực lượng trung đoàn 5 triển khai chốt canh gác các ngã ba trong thành phố và giữ khu Kỹ nghệ Biên Hòa.

Ba mươi năm chiến tranh giải phóng, mùa xuân 1975 đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



TIỂU KẾT: 21 năm kháng chiến chống Đế quốc Mỹ là 21 năm gian lao nhưng cũng đầy tự hào. Bao máu xương đã đổ của các anh, bao người mẹ mất con, bao người vợ mất chồng... để có được một đất nước Việt Nam độc lập, tự do như ngày hôm nay.

9 năm kháng chiến chống Pháp, 21 năm kháng chiến chống Mỹ, nhìn trong khoảng thời gian 320 năm hình thành và phát triển của một vùng đất quả là không dài nhưng nhờ có 30 năm chiến tranh giải phóng mà vùng đất này mới chuyển mình, đứng lên, mới có những thay đổi vô cùng vượt bậc và trở thành một tỉnh công nghiệp hiện đại như ngày hôm nay.

Đối với tác giả - là người trẻ, từng được học lịch sử địa phương ở những năm cấp 2 và 3 thì với dịp tìm hiểu và thống kê lại toàn bộ chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong suốt 30 năm kháng chiến, tác giả thật cảm thấy kính nể và biết ơn. Thế hệ trẻ chúng tôi xin ra sức học tập, rèn luyện để đền đáp những công ơn của ông cha, tiếp nối những truyền thống tốt đẹp trong chiến đấu để có thể bảo vệ, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống mà bậc tiền nhân đã tạo ra, cố gắng xây dựng tỉnh nhà ngày một phát triển.



**PHẦN II: NHỮNG CẢM NHẬN VỀ TRUYỀN THỐNG
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI**



2.3. NHỮNG CẢM NHẬN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

Máu. Nước mắt. Mát mát. Hy sinh. Đó là những từ mà tôi dùng để nói đến hai chữ **ANH HÙNG**. Không phải làm sao được? Biết bao người đã ngã xuống cho nền độc lập dân tộc. Biết bao xương máu của họ đã thấm nhuần trong đất mẹ Việt Nam. Biết bao nhiêu đau thương mát mát. Biết bao nước mắt của mẹ nhớ con, của vợ tiễn chồng, nước mắt của kẻ đầu bạc tiễn kẻ đầu xanh.

Thật sự, chiến tranh đã lấy đi của chúng ta quá nhiều, để lại cho nhân dân vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai những mát mát hy sinh không gì tả xiết. Nhưng chính từ trong tên bay lửa đạn, ta mới thấy rõ được tinh thần thép, ý chí sắt đá của con những người con Đồng Nai kiên cường, bất khuất trước kẻ thù. Tất cả tổng hòa lại, trở thành truyền thống đấu tranh cách mạng vô cùng to lớn của quân dân Đồng Nai mà muôn đời sau, thế hệ con cháu vẫn luôn tự hào.

Còn nhớ trong tác phẩm “Những đứa con trong gia đình” của tác giả Nguyễn Thi được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào Sách Giáo khoa lớp 12 có hình ảnh dòng sông truyền thống. Trong đó, tác giả Nguyễn Thi mang hình ảnh dòng sông quê hương ứng vào hình ảnh dòng sông gia đình liên tục chảy từ thế hệ trước đến thế hệ sau. Cũng như trăm con sông khác, con sông truyền thống này cũng chảy ra biển, “mà biển thì rộng lắm, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta”. Từ dòng sông truyền thống của Nguyễn Thi - dòng sông hư cấu từ những câu chuyện thật, ta quy chiếu với dòng sông truyền thống của quê hương Đồng Nai, ta sẽ thấy hình ảnh này thật đẹp và thật trùng khớp.

Truyền thống Cách mạng của quân dân Đồng Nai cũng dài như một dòng sông, có thượng nguồn, trung, hạ nguồn, có các nhánh nhỏ, nhánh lớn, có cửa đổ ra biển; bài cảm nhận sẽ làm rõ từng luận điểm này.

Thứ nhất, theo tác giả, Truyền thống Cách mạng của quân dân Đồng Nai trong suốt 320 năm hình thành và phát triển bắt nguồn từ lòng **YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC, YÊU THƯƠNG GIỐNG NÒI VIỆT NAM**. Từ những



cuộc khởi nghĩa của các sỹ phu yêu nước ở giai đoạn đầu như Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh dù hy sinh bên bờ suối Linh Tuyền nhưng vẫn ngời sáng tinh thần hào sảng, quyết không thu phục trước kẻ thù, hay tại xã Thiện Tân – huyện Vĩnh Cửu, một nhóm người yêu nước, tinh thông võ nghệ như: Tư Hy, Tư Hồ, Ba Hàu, Hai Lực,... đã thành lập ra Trại Lâm Trung nhằm tiêu diệt quân Pháp... đó chính là quyết tâm đánh đuổi giặc của cha ông để bảo vệ từng tấc đất cho quê hương, xứ sở. Dù vũ khí thô sơ là cuốc, thuổng, gậy, gộc... dù ta yếu – địch mạnh... nhưng cha ông vẫn hiên ngang, dám đứng lên chống lại kẻ thù. Họ hy sinh nhưng họ không chết, mà họ hóa thành dòng nước lớn, cuộn vào dòng sông truyền thống của quân dân Biên Hòa, đẩy con thuyền Cách mạng đến những thành công, mà tiêu biểu là ngày 27-8-1945, tại Quảng trường Sông Phố, chính quyền Cách mạng đã chính thức về tay nhân dân, kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất của nhân dân Biên Hòa kết thúc thắng lợi.

Nhưng chẳng bao lâu sau, nhân dân Nam Bộ nói chung và tỉnh Biên Hòa nói riêng phải đứng lên kháng chiến vì bọn thực dân rắp tâm cướp nước ta lần nữa. Dòng sông truyền thống Cách mạng của quân dân Biên Hòa vẫn cứ thế, vẫn chảy trôi và phát triển. Trong từng giai đoạn, thời điểm mà dòng sông truyền thống ấy chọn dòng khác khác nhau. Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp lần thứ hai, dòng sông truyền thống hiền hòa, lặng lẽ để chuẩn bị nguồn nước – đó chính là nhân lực, vật lực mà tiêu biểu là việc thành lập Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu; để rồi đúng thời điểm, quân dân đứng lên, tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa (1946) và giành được thắng lợi như dòng sông cuộn lên những con nước mạnh mẽ mà nhấn chìm bè lũ cướp nước.

Và tiếp đó, trong cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai, quân dân Biên Hòa, thế hệ sau nối tiếp người trước, viết vào trang sử truyền thống đấu tranh vẻ vang bao chiến công hiển hách, từ chiến thắng La Ngà 1-3-1948 làm cho thực dân bạt vía khiếp sợ đến hình ảnh người quân dân mưu trí tài ba, sáng tạo nên cách đánh đặc công, phá được tháp canh của Pháp và lớn lao hơn cả là việc Biên



Hòa chính là cái nôi của chiến khu Đ, nơi mà từ những năm 1940 đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa, sau này là căn cứ Cách mạng của cả miền Nam Việt Nam. Từ căn cứ Cách mạng ấy, những người con vùng đất Đồng Nai đã làm nên những chiến thắng lớn nhỏ, viết nên bản hùng ca chiến thắng vào năm 1954, chính thức đuổi Pháp ra khỏi đất nước Việt Nam.

Dừng lại đôi chút để ngẫm nghĩ, ta thấy, để dòng sông truyền thống có thể cuộn lên những con nước lớn, cũng như để có những chiến thắng hiển hách nên trên, cha ông đã phải chịu nhiều mất mát, hy sinh. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Biên Hòa – Đồng Nai, ngã xuống cũng trên chính mảnh đất quê hương. Theo tác giả, với thế hệ cha ông, hy sinh oanh liệt vì những thứ thân thương, những gì mà bản thân thực sự yêu quý – thì đó là một sự hy sinh xứng đáng, là niềm hạnh phúc. Đó chính là một phần của TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG mà bài viết đang đề cập đến, đó chính là sự trả ơn cho quê hương xứ sở, như Tô Hữu từng viết:

“Nếu là con chim, chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào có vay mà không trả?
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.”

Thật đúng, khi đất nước gọi tên, cha ông đã không ngoảnh mặt mà đồng lòng đứng lên để phá tan xiềng xích, gông cùm, tù đày. Bao nhiêu thế hệ nằm xuống là bấy nhiêu cuộc đời đã hiến dâng cho dân tộc nhưng chẳng mong cầu đền đáp, chẳng cần tưởng niệm hay hưởng bổng lộc. Cái mà cha ông để lại chính là tiếng thơm muôn đời, muôn thuở, là lòng biết ơn thành kính của thế hệ con dân Biên Hòa nói riêng và cả đất nước nói chung mỗi khi nhắc về.

Thứ hai, theo tác giả, truyền thống Cách mạng của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai được hình thành và gìn giữ với **TINH THẦN BẮM TRỤ KIÊN CƯỜNG, TINH THẦN CHIẾN ĐẤU VĨ ĐẠI**, quyết giành lại mảnh đất quê hương.



Nếu chỉ có lòng yêu quê hương, đất nước mà không có tinh thần chiến đấu, dám dấn thân, xả thân thì thế hệ đi trước chẳng thể làm nên lịch sử đầy oai hùng như vậy. Quả thật, truyền thống Cách mạng của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai được hình thành từ tinh thần chiến đấu vĩ đại, tinh thần bám trụ kiên cường và một điều quan trọng hơn hết là tinh thần ấy luôn được truyền từ thế hệ này đến thế hệ sau trong cả thời chiến và cả thời bình.

Trong giai đoạn đầu, lực lượng Cách mạng còn non yếu, quân dân Biên Hòa phải hoạt động bí mật trong các chiến khu mà chủ yếu được xây dựng tại nơi rừng sâu, địch khó phát hiện. Tại đây, với tinh thần bám trụ kiên cường, quân dân đùm bọc yêu thương, vượt qua khó khăn từ điều kiện sống đến ăn mặc mà cố gắng chiến đấu để bảo vệ kẻ thù. Từ Đoàn Văn Cự nuôi binh trong rừng chồi Bưng Kiệu suốt 3 năm đến việc chọn địa hình “thiên la địa võng” nơi rừng Mã Đà để làm căn cứ chiến khu Đ đã cho thấy việc cha ông ta chấp nhận khó khăn, gian khổ, miễn là bảo vệ được tổ chức, giữ gìn được sự an toàn của Cách mạng.

Tinh thần bám trụ của quân dân Đồng Nai còn thể hiện rõ hơn qua hình ảnh “một tác không đi, một ly không rời” của những người dân Biên Hòa xưa. Đó là khi kẻ thù càng đánh phá ác liệt, quân dân Đồng Nai càng vững vàng, kiên cường đấu tranh. Nhiều nơi, quân dân ta cố gắng bám trụ để xây dựng mạng lưới thông tin, hậu cần, góp phần cho lực lượng Cách mạng giành thắng lợi như Bình Sơn, Tam An, Long Mỹ, Thiện Tân... Đặc biệt, căn cứ Minh Đạm (Long Đất) hơn 2000 ngày đêm trong vòng vây của kẻ thù vẫn đứng vững hiên ngang, là nơi các lực lượng cách mạng bám trụ để đánh bại nhiều chiến thuật thâm độc của Mỹ, Úc, làm thất bại mọi âm mưu bình định của chúng.

Có thể thấy, tinh thần bám trụ, chiến đấu luôn thấm nhuần trong quân dân Biên Hòa – Đồng Nai. Từ bát cơm nuôi quân của các mẹ đến mảnh áo chị vá cho em trước khi ra chiến trường,... Tinh thần của người Đồng Nai cũng chính là tinh thần của người Việt Nam nói chung, tinh thần bám trụ kiên cường ấy được nhà thơ Lưu Trùng Dương viết:



“La Văn Cầu lấy thân mình chèn pháo
Bé Văn Đàn giữ mãi tuổi hai mươi
Lý Tự Trọng đầu không hề chịu khuất
Ra pháp trường còn đọc Nguyễn Du
Chị Sáu ơi bông hoa chị cài đầu
Còn thắm mãi giữa ngàn cây Côn Đảo”

Thứ ba, truyền thống đấu tranh Cách mạng của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai chính là truyền thống **THƯƠNG NGƯỜI, ĐÙM BỌC LẤN NHAU** mở rộng ra là **ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG** để Cách mạng có thể giành được thắng lợi to lớn.

Trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân Biên Hòa tuy sống trong vùng kiểm soát, bị áp bức, kìm kẹp nhưng vẫn một lòng hướng về cách mạng. Từ trong nội thành, nhân dân thành phố vận động quyền góp nhiều lương thực, thuốc men, hàng hóa cần thiết để chuyển ra các căn cứ kháng chiến Bình Đa, Hồ Cạn, chiến khu Đ cho lực lượng kháng chiến. Bên trong nội ô, nhiều cơ sở cách mạng đã theo dõi nắm bắt tình hình địch, phục vụ cho lực lượng vũ trang giải phóng đánh các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự của địch. Có thể kể đến trận La Ngà năm 1948, để chuẩn bị cho trận đánh lớn, theo lời vận động của Cách mạng, công nhân công ty cao su đã trích ra phần ăn của mình để dành cho bộ đội, những người mẹ dân tộc, những người già làng của đồng bào Chơ ro, Stiêng đã hiểu về cuộc chiến mà nuôi và bảo vệ bộ đội. Không ai khác, nhờ họ, nhờ lực lượng hậu phương vững chắc mà tiền tuyến mới yên tâm chiến đấu và giành được thắng lợi vẻ vang trong trận chiến La Ngà nói riêng và toàn bộ những trận chiến nói chung.

Hay trong trận Mậu Thân 1968, khi chiến dịch lên cao trào, quân đội Cách mạng đã tràn vào tỉnh lỵ thì tại các vùng ngoại và nội ô như: Hiệp Hòa, ấp Bình Đa, Lân Thành, Tân Thành... cơ sở tại chỗ nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân, diệt một số tên tai sai ác ôn. Đặc biệt hơn, Em Lê Minh Tâm (15



tuổi), con của má Bảy Vết đã dũng cảm đưa hơn 20 chiến sĩ biệt động đang trú tại trường Mỹ nghệ vượt vòng vây địch để về Hóa An. Gần 20 cán bộ chiến sĩ của sư 5 đi lạc đã được nhân dân ấp Bình Đa nuôi dưỡng trong nhà, mấy ngày sau cơ sở lại tìm cách luồn lách đưa 20 cán bộ, chiến sĩ về căn cứ an toàn, tránh được tổn thất về nhân lực cho cách mạng.

Tựu chung lại, có thể thấy, đối với tác giả, cảm nhận về truyền thống đấu tranh Cách mạng của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai là cảm nhận về tình người, về tinh thần chiến đấu, tinh thần tự lực – tự cường và đặc biệt hơn là lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm giành lại mảnh đất quê hương, chấp nhận hy sinh xương máu, gia đình để đóng góp vào chiến thắng chung của dân tộc.

320 năm trôi qua, dòng sông truyền thông về đấu tranh dựng đất, giữ đất và mở mang văn hóa của vùng đất vẫn cứ mãi cuộn chảy từ thế hệ trước đến thế hệ sau, từ đời cha ông đến đời con cháu.

Đối với tác giả, tinh thần yêu nước sục sôi của cha ông lan truyền, là tiếng chuông thức tỉnh vang mãi tới tận muôn đời sau, nung nấu cho mỗi con người Đồng Nai một ý chí bảo vệ quê hương.

“Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta, mà hãy hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay”. Cuộc sống là do bản thân ta làm chủ, đất nước là do bản thân ta gây dựng và bảo vệ. Chính mỗi người dân Việt Nam mới là những con người có khả năng phát triển đất nước. Trước khi quá muộn, hãy sống hết mình với bốn chữ **CON NGƯỜI VIỆT NAM**, sống hết mình để tri ân cha ông đã làm nên một bề dày lịch sử đấu tranh chống giặc xâm lăng hết sức to lớn và vĩ đại. Đặc biệt hơn, ta phải sống hết mình, tự hào nói rằng **mình là người ĐỒNG NAI**, nơi có 320 năm truyền thống đấu tranh Cách mạng đầy thiêng liêng và oai hùng.



**PHẦN 3: NHỮNG Ý KIẾN ĐÓNG GÓP, NHỮNG VIỆC LÀM THIẾT THỰC
CỦA TÁC GIẢ ĐỂ GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY
TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA CHA ÔNG**



2.4. NHỮNG Ý KIẾN, VIỆC LÀM CỦA TÁC GIẢ NHẪM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA CHA ÔNG

1. Công tác sưu tầm, nghiên cứu tư liệu

- Thành lập đội sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, tư liệu, hình ảnh, bút tích,... về cuộc đời và sự nghiệp của các nhân vật đã có đóng góp trong lịch sử phát triển của tỉnh nhà
- Các tài liệu sưu tầm được sau khi xác minh thì nên biên tập và nhân bản để có thể đóng thành những quyển sách, tập tài liệu nhằm mục đích mang các nguồn tư liệu đến gần với mọi người hơn.
- Phối hợp với các báo, đài phát thanh truyền hình trong và ngoài tỉnh tổ chức đưa tin việc sưu tầm tư liệu lịch sử của tỉnh với rộng rãi nhân dân để có thể xây dựng một ngân hàng dữ liệu phong phú hơn.
- Xây dựng ngân hàng (kho) riêng tại Bảo tàng hoặc Thư viện của tỉnh để bảo quản các di vật, bút tích, tài liệu, hình ảnh.

2. Công tác tuyên truyền, giáo dục, giới thiệu lịch sử

- Đối với sách học ở bậc phổ thông, nên đề nghị đưa một số chiến công tiêu biểu của tỉnh Đồng Nai vào chương trình giảng dạy (mỗi địa phương tự chọn bài học phù hợp) với địa phương mình để dạy cho học sinh. (Hiện nay, chương trình lịch sử địa phương thường được dạy trong giờ ngoại khóa – chưa được chú trọng).
- Mở những triển lãm bằng những tư liệu sưu tầm được, có thể triển lãm cùng một lúc về nhiều nhân vật lịch sử nhưng nên có sự sắp xếp hợp lý theo các công hiến hay theo diễn trình lịch sử của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Mỗi nhân vật nên dành một gian, phòng riêng để người đến xem triển lãm có thể dễ dàng tham quan, sưu tầm tư liệu.
- Xây dựng phòng trưng bày riêng về những danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử đất Đồng Nai. Phải có lịch mở cửa thường xuyên để cho mọi



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

người được biết, phải có nhân viên chuyên coi sóc, quản lí và đặc biệt phải đào tạo nguồn nhân lực là những nhân viên có thể thuyết minh, trình bày về những danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử tại phòng trưng bày để phục vụ những đoàn khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch nước ngoài.

- Xây dựng những chuyên mục riêng trên các báo, đài phát thanh truyền hình tại tỉnh Đồng Nai về những danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử, những chiến công, trận đánh. Phải duy trì chuyên mục bằng cách đưa tin bài định kì và có chính sách trả nhuận bút đối với các bài viết cộng tác nhằm khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân tham gia đọc và tìm hiểu về những giá trị văn hóa – lịch sử tại vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.
- Tổ chức hội thảo, nói chuyện chuyên đề... về cuộc đời và những cống hiến của các anh hùng ở những dịp lễ kỷ niệm. Đặc biệt, nên tổ chức thành nhiều đợt, mỗi đợt là những đối tượng khác nhau. Đầu tiên sẽ tổ chức cho các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, đồng đội, người thân của ông, sau đó sẽ tổ chức cho các đối tượng khác như cán bộ viên chức, Đảng viên, Đoàn viên thanh niên, học sinh – sinh viên,...
- Tổ chức các hội thi về tìm hiểu lịch sử - văn hóa Biên Hòa – Đồng Nai ở các cấp, từ trường học đến các cơ quan ban ngành. Tổ chức hội thi tìm hiểu bằng các hình thức khác nhau phù hợp với từng đối tượng như hái hoa dân chủ, thi kể chuyện, ai nhanh hơn, rung chuông vàng,...
- Tổ chức các hội thi sáng tác nhạc, hát các ca khúc về những danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử tại tỉnh Đồng Nai để đưa những tư liệu lịch sử khô khan đến gần với mọi tầng lớp nhân dân hơn thông qua những lời ca, điệu nhạc.
- Tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật với các ca khúc ca ngợi quê hương, đất nước, ca ngợi công đức của những người đi trước đã không tiếc máu xương để có được một đất nước hòa bình, Biên Hòa văn



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

minh hôm nay. Khuyến khích các ca khúc ca ngợi những danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử có nguồn gốc hay có đóng góp cho vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai phát triển.

- Trong nhà trường và các cơ quan ban ngành nên tổ chức kể chuyện về những danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử của quê hương vào những buổi chào cờ đầu tuần. Có thể tổ chức thành những hội thi để khuyến khích học sinh – sinh viên cũng như cán bộ công chức, viên chức tìm hiểu kĩ càng và sâu sắc hơn.
- Xây dựng các tiết mục kịch, tiểu phẩm có chất lượng về những danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử tỉnh Đồng Nai nhằm đưa lịch sử gần với người dân hơn.

3. Công tác bảo quản, trùng tu, tôn tạo di tích

- Thường xuyên tổ chức những Đoàn thiếu nhi, đội viên, đoàn viên thanh niên đến viếng, chăm sóc và vệ sinh các di tích, đặc biệt là quan tâm đến tất cả các di tích chứ không riêng gì những di tích đã được xếp hạng. Thiết kế thành những chương trình du khảo về nguồn, tổ chức tìm hiểu về những nơi đã đi qua và viết bài thu hoạch hay có thể tổ chức lễ kết nạp Đoàn viên tại những di tích trên.
- Thực hiện các video clip ngắn, có nội dung vui tươi, sáng tạo, truyền tải thông điệp ý nghĩa (viral clip) về việc bảo vệ cảnh quan di tích và đăng tải trên các trang mạng xã hội nhằm tiếp cận đến mọi người dễ dàng hơn.

4. Tổ chức hoạt động tại di tích

- Hiện nay, một số các di tích có thể tổ chức được các hoạt động vui chơi, cắm trại, sinh hoạt về nguồn như Di tích Văn miếu Trấn Biên (tích hợp Khu Du lịch Bửu Long), Di tích Chiến khu Đ... Vì vậy, chúng ta có thể gắn các hoạt động tham quan di tích với các hoạt động vui chơi, sinh



HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2018

hoạt để những bài học lịch sử được sinh động, người học lịch sử sẽ hào hứng hơn.

- Ngoài ra, chúng ta còn có thể xây dựng những tour Về nguồn như tham quan Di tích Văn miếu Trấn Biên – Khu du lịch Bửu Long – Làng bưởi Tân Triều, Di tích Chiến khu Đ – Thủy điện Trị An... nhằm thu hút đông khách du lịch đến với Đồng Nai. Đây cũng là cách để giáo dục, giới thiệu lịch sử, cũng như làm cho ngành du lịch tỉnh nhà trở nên phát triển hơn.

5. Đối với gia đình và đồng đội của những anh hùng, những người có công với đất nước

- Cần có những chính sách đãi ngộ hợp lí.
- Thường xuyên tổ chức những đoàn đến thăm hỏi, trao quà những dịp Lễ 27/7, 22/12, Tết cổ truyền,...
- Kết hợp cùng gia đình và đồng đội để tìm hiểu sâu hơn về những nhân vật lịch sử, nghiên cứu sâu hơn những khía cạnh về tính cách, cuộc đời qua những câu chuyện kể, di vật, bút tích để lại để có thể sản xuất phim tư liệu hoặc dựng thành phim truyền hình, phim điện ảnh,...

Trên đây là một số ý kiến đóng góp trong công tác giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng của cha ông. Rất mong những ý kiến đóng góp trong bài dự thi này sẽ được sử dụng và mang lại hiệu quả. Xin chân thành cảm ơn.



KẾT LUẬN

Tham gia Hội thi Tìm hiểu Giá trị Văn hóa – Lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2018, tôi đã có thêm thật nhiều những kiến thức bổ ích về sự hình thành và thay đổi của tỉnh nhà, thấm nhuần hơn về những giá trị truyền thống đấu tranh cách mạng của cha ông. Ngoài ra, tôi còn có thêm thật nhiều trải nghiệm trong những chuyến đi sưu tầm tư liệu cho bài viết.

Tham gia Hội thi này, ngoài việc có thêm kiến thức, hiểu biết cho bản thân, tôi còn biết quý trọng và yêu hơn mảnh đất, con người quê hương Biên Hòa – Đồng Nai. Tôi cảm thấy thật khâm phục và tự hào, cảm xúc ấy của tôi sẽ biến thành hành động để tôi có ý thức hơn nữa trong việc bảo vệ truyền thống quê hương và giới thiệu quê hương đến mọi người. Ngoài ra tôi còn ý thức hơn trong việc tuyên truyền, lan tỏa những hiểu biết của mình đến với mọi người, bạn bè xung quanh để tất cả cùng ý thức trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống của vùng đất 320 năm hình thành và phát triển này.

Tôi xin cảm ơn Ban tổ chức Hội thi đã tạo một môi trường bổ ích để tất cả những người yêu thích lịch sử, quan tâm đến lịch sử cùng tham gia; xin cảm ơn các anh chị, cô chú đã giúp đỡ để tôi hoàn thành bài dự thi này.

Mãi cầu chúc cho vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai 320 năm sẽ phát triển hơn, truyền thống của người Biên Hòa mãi là niềm tự hào của thế hệ sau.

Xin cảm ơn và kính chào!



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu giấy

1. Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1998), *Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nxb Đồng Nai.
2. Ban chỉ đạo công trình khoa học Địa chí Đồng Nai (2001), *Địa chí Đồng Nai - Tập 1: Tổng quan*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
3. Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, Hậu học Lý Việt Dũng dịch và chú giải, TS.Huỳnh Văn Tới hiệu đính và giới thiệu, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
4. Hội Khoa học Lịch sử Đồng Nai (2013), *Địa danh Hành chính – Văn hóa – Lịch sử Đồng Nai*, Nxb Đồng Nai.
5. Nguyễn Thái Liên Chi (2009), *Nghiên cứu địa danh tỉnh Đồng Nai*, Luận văn thạc sỹ, Trường ĐH Sư Phạm TP.HCM.

- Tài liệu mạng

1. www.dongnai.gov.vn
2. www.baodongnai.com.vn

- Tài liệu phim

1. Hoạt cảnh múa “*Người đi mở cõi*”, Đài PT-TH Đồng Nai.
2. Phim tài liệu “*Phá tan chiến thuật Đờ-Latua – Chiến công gắn với Anh hùng Trần Công An*”, Đài PT-TH Đồng Nai.